

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI



ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8380107

Đề tài: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ Ở
VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN MINH PHƯƠNG

Hà Nội, 5/2025

NGUYỄN MINH PHƯƠNG

LUẬT KINH TẾ

2022 - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI



ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8380107

**Đề tài: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ Ở
VIỆT NAM HIỆN NAY**

HỌC VIÊN: NGUYỄN MINH PHƯƠNG

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: TS. PHÙNG TRỌNG QUẾ

Hà Nội, 5/2025

LỜI CẢM ƠN

Đề án thạc sĩ này được hoàn thành tại Trường Đại học Mở Hà Nội dưới sự hướng dẫn khoa học của thầy giáo, TS Phùng Trọng Quế. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy về định hướng khoa học, phương pháp nghiên cứu và sự chỉ bảo tận tình cũng như sự quan tâm, giúp đỡ của thầy đã giúp tôi hoàn thành được Đề án này.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Mở Hà Nội, các thầy cô tại Khoa Luật Kinh tế - Đại học Mở Hà Nội đã tạo điều kiện cho tôi được học tập, nghiên cứu và hoàn thành Đề án này.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể gia đình, bạn bè, đồng nghiệp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã giúp đỡ, động viên, khích lệ tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện Đề án.

Tác giả

Nguyễn Minh Phương

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của TS Phùng Trọng Quế. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong Đề án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đề án của mình.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

TÁC GIẢ

Nguyễn Minh Phương

Người hướng dẫn khoa học: TS Phùng Trọng Quế:
(Ghi rõ họ, tên, học hàm, học vị và chữ ký)

Cán bộ phản biện 1: TS. Trần Anh Tú.
(Phần này do Phòng QLĐT ghi)

Cán bộ phản biện 2: TS. Phạm Thị Hương Lan.
(Phần này do Phòng QLĐT ghi)

Đề án thạc sĩ được bảo vệ tại HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN THẠC SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI, ngày 30 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định số 1894/QĐ-ĐHM ngày 13/05/2025.

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là: Nguyễn Minh Phương học viên lớp Thạc sĩ Luật kinh tế K22B khóa 2022-2024 xin cam đoan đây là công trình độc lập của riêng tôi mà không sao chép từ bất kỳ nguồn tài liệu nào đã được công bố. Các tài liệu, số liệu sử dụng phân tích trong đề án đều có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ, có xác nhận của cơ quan cung cấp số liệu. Các kết quả nghiên cứu trong đề án là kết quả nghiên cứu của tôi được thực hiện một cách khoa học, trung thực khách quan. Tôi xin chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các nguồn số liệu cũng như các thông tin sử dụng trong công trình nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ KHĐT
Hợp tác xã	HTX
Kinh tế tập thể	KTTT
Kinh tế xã hội	KTXH
Liên hiệp Hợp tác xã	LHHTX
Sản xuất kinh doanh	SXKD
Tổ hợp tác	THT
Trung ương	TW
Văn bản quy phạm pháp luật	VBQPPL

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề án	3
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề án	5
3. Mục đích, nhiệm vụ thực hiện Đề án.....	15
4. Đối tượng và phạm vi thực hiện Đề án.....	16
5. Phương pháp luận và phương pháp thực hiện đề án.....	16
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn.....	17
7. Kết cấu của đề án.....	17
NỘI DUNG	18
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP TÁC XÃ, GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ	18
1.1. Những vấn đề lý luận về hợp tác xã	18
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò hợp tác xã	18
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của giải thể hợp tác xã.....	22
1.2. Khái quát pháp luật về giải thể hợp tác xã	25
1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải thể hợp tác xã	25
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về giải thể hợp tác xã	25
1.2.3. Vai trò của pháp luật về giải thể hợp tác xã	27
1.2.4. Các yếu tố tác động đến pháp luật về giải thể hợp tác xã	28
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	31
2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về giải thể hợp tác xã.....	31
2.1.1. Quy định về các trường hợp giải thể hợp tác xã	31
2.1.2. Trường hợp được giải thể hợp tác xã.....	32
2.1.3. Các hành vi bị cấm khi giải thể hợp tác xã	33

2.1.4. <i>Trình tự, thủ tục giải thể hợp tác xã</i>	33
2.1.5. <i>Quy định về cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc giải thể hợp tác xã</i>	35
2.1.6. <i>Quy định về xử lý tài sản khi hợp tác xã giải thể</i>	36
2.1.7. <i>Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</i>	38
2.1.8. <i>Quy định về cập thông tin trên hệ thống đăng ký kinh doanh</i>	38
2.2. <i>Thực tiễn thực thi pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam</i>	39
2.2.1. <i>Những kết quả đạt được</i>	39
2.2.2. <i>Những hạn chế, vướng mắc</i>	50
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	56
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM	57
3.1. <i>Phương hướng hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã</i>	57
3.2. <i>Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã</i>	58
3.3. <i>Giải pháp đối với khó khăn vướng mắc trong thực thi</i>	59
3.4. <i>Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải thể hợp tác xã</i>	62
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	65
KẾT LUẬN	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	68
PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ	71

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề án

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ những năm 1945, hợp tác xã được hình thành và phát triển ở nhiều vùng tự do và các căn cứ địa cách mạng với hình thức hợp tác giản đơn như tổ đổi công, tổ vằn công. Ngày 08/3/1948, tại Chiến khu Việt Bắc, Hợp tác xã Thuỷ Tinh Dân Chủ được thành lập, đây là mở đầu cho sự ra đời và phát triển của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam. Sự phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã cùng với kết quả của cải cách ruộng đất đã góp phần giải phóng nông dân thoát khỏi sự ràng buộc của phương thức sản xuất phong kiến, đưa nông dân lên vị trí người làm chủ.

Ngay sau khi miền Bắc được giải phóng, Đảng, Nhà nước ta đã chú trọng chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách, phát triển hợp tác xã trong các ngành kinh tế. Chỉ trong một thời gian ngắn, sau giai đoạn thí điểm, đến năm 1960 cả nước đã có hơn 50.000 hợp tác xã được thành lập trong các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại,... thu hút nhiều bộ phận hộ nông dân, hộ kinh tế cá thể và người lao động tham gia.

Sau chiến thắng lịch sử Mùa Xuân năm 1975, kinh tế tập thể, hợp tác xã được phát triển và lan rộng tới các tỉnh, thành phố phía Nam. Đến năm 1986, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển cao nhất so với trước đây, cả nước có 76.000 hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, khi cơ chế quản lý tập trung bao cấp được xoá bỏ, cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước từng bước được hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế; phần lớn các hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế không kịp thích ứng, rơi vào tình trạng khó khăn, lúng túng, nhiều hợp tác xã sản xuất kinh doanh thua lỗ bị tan rã, giải thể, số lượng hợp tác xã giảm mạnh.

Từ năm 1997 trở lại đây, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã đã có những chuyển biến quan trọng. Đặc biệt, kể từ khi Luật Hợp tác xã đầu tiên được ban hành (tháng 3/1996) và

chính thức có hiệu lực từ 01/01/1997 và tiếp đó là Luật Hợp tác xã 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012, Luật Hợp tác xã năm 2023 đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho khu vực hợp tác xã phát triển.

Kinh tế tập thể (KTTT) là một trong các thành phần kinh tế của nền kinh tế quốc dân, được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định và nhấn mạnh: “*Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*” và “*Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có phạm vi hoạt động rộng lớn, với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững...*”.

Bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu đã đạt được, khu vực KTTT (hợp tác xã) vẫn còn nhiều hạn chế như (i) Phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, không gian, dư địa và mục tiêu, yêu cầu; (ii) Năng lực sản xuất, kinh doanh của HTX còn yếu, manh mún, chưa có nhiều HTX thật sự hiệu quả, có khả năng lan tỏa; (iii) Có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhưng còn dàn trải, phân tán, chủ yếu là lồng ghép, thiếu tập trung; việc tổ chức triển khai thực hiện còn chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực bảo đảm thực hiện.

Mặt khác, bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của mô hình hợp tác xã, thì cũng có những vấn đề phát sinh mà nhiều năm chưa thể giải quyết đó là số lượng hợp tác xã không hoạt động nhiều và rất khó khăn (không thể) giải thể đã dẫn đến một lượng lớn tài sản đang bị để không gây lãng phí rất lớn và nhiều vấn đề phát sinh xảy ra khi mà các hợp tác xã này không thể giải thể. Các cơ quan có thẩm quyền đã nghiên cứu, báo cáo nhiều cấp khác nhau nhưng chưa thể giải quyết dứt điểm vấn đề này. Từ những vấn đề nêu trên, bản thân em đã lựa chọn Đề án tốt nghiệp thạc sĩ luật kinh tế về nội dung “**Pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay**”, để có cái nhìn

toàn diện về vấn đề pháp lý, nguyên nhân và có đầy đủ thông tin số liệu về số lượng hợp tác xã ngừng hoạt động, chưa thể giải thể được từ đó có những đề xuất, kiến nghị giải quyết góp phần khơi thông nguồn lực cho kinh tế tập thể phát triển, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của Việt Nam phát triển.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề án

2.1. Một số sách chuyên khảo, tham khảo

- Sách *“Kinh tế hợp tác, HTX ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng phát triển”* do Nguyễn Văn Bình chủ biên (2001). Cuốn sách đã hệ thống hóa quá trình hình thành, phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, HTX trên thế giới và ở Việt Nam với những thành công và bất cập, hạn chế. Từ đó, cuốn sách đã nêu lên những định hướng phát triển kinh tế hợp tác, HTX phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Cuốn sách có giá trị tham khảo tốt cho đề tài nghiên cứu về mặt kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn phát triển kinh tế hợp tác, HTX ở Việt Nam.

- Sách *“Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nước ta hiện nay”* do Phạm Thị Cần chủ biên (2003). Cuốn sách tập trung trình bày những vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế hợp tác, HTX; sự cần thiết khách quan phải lựa chọn các mô hình kinh tế hợp tác, HTX phù hợp với đặc điểm, điều kiện nông nghiệp, nông thôn nước ta. Cuốn sách cũng đã đề xuất những giải pháp phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, HTX trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam hiện nay. Điểm hạn chế của cuốn sách là phạm vi nghiên cứu giới hạn trong ngành nông nghiệp, chưa phân tích, nhận định về kinh tế hợp tác trong các ngành, lĩnh vực khác.

- Sách *“Đổi mới tổ chức và quản lý các HTX trong nông nghiệp, nông thôn”* do GS. TS. Lương Xuân Quỳnh chủ biên (2005). Cuốn sách đã nghiên cứu và làm rõ tính tất yếu khách quan của KTTT, những nét đặc thù của HTX trong nông nghiệp; phân tích kinh nghiệm tổ chức và quản lý các HTX ở một số nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm và khả năng vận dụng vào điều kiện Việt Nam. Cuốn sách đã khái quát quá trình phát triển các hình thức tổ chức và quản lý HTX trong nông thôn Việt Nam; phân tích thực trạng mô hình tổ chức quản lý các HTX nông nghiệp ở tỉnh Hải Dương và Nam Định. Trên cơ sở đó đưa ra phương

hướng, giải pháp lựa chọn xây dựng mô hình tổ chức và quản lý có hiệu quả các HTX trong nông nghiệp phù hợp với thực tiễn của từng tỉnh và một số kiến nghị chung. Những cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển, quản lý HTX của một số nước mà cuốn sách đề cập là tư liệu tham khảo tốt cho đề tài, tuy nhiên, những phân tích về thực trạng phát triển HTX cũng như các kiến nghị trong cuốn sách này bị giới hạn về phạm vi (hai tỉnh Hải Dương và Nam Định). Đồng thời, do thời điểm xuất bản cuốn sách đã khá lâu, nên nhiều nội dung về HTX nông nghiệp không còn cập nhật trong bối cảnh hiện nay.

- Sách *“Sở hữu tập thể và kinh tế thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”* của TS. Chử Văn Lâm (2006). Cuốn sách đã nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề về bản chất của sở hữu tập thể, làm rõ sự giống và khác nhau của sở hữu tập thể với sở hữu hỗn hợp. Sự cần thiết của KTTT, mô hình của KTTT trong các lĩnh vực SXKD (nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng, TMDV) trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sách còn làm rõ vị trí, vai trò của sở hữu tập thể và KTTT; những lý do để KTTT, nòng cốt là HTX trở thành nền tảng trong nền kinh tế quốc dân. Trên cơ sở phân tích thực trạng KTTT hiện nay qua khảo sát các mô hình HTX trong những năm đổi mới vừa qua ở mọi lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, dịch vụ... đã rút ra những điểm mạnh, điểm yếu của KTTT hiện nay nhằm trả lời cho câu hỏi vì sao ở Việt Nam đã tạo được môi trường pháp lý song KTTT vẫn chưa thực sự phát triển trong đời sống KTXH.

Cuốn sách cũng đưa ra dự báo về xu hướng vận động, phát triển của sở hữu tập thể và KTTT trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, đồng thời, nêu lên những định hướng và khuyến nghị về chính sách phát triển sở hữu tập thể và KTTT ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của cuốn sách có giá trị tham khảo về cả mặt lý luận và thực tiễn cho đề tài nghiên cứu, tuy nhiên, một số phân tích, nhận định do nằm trong bối cảnh nghiên cứu cũ nên không còn phù hợp với thời điểm hiện tại.

- Sách *“Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành”*, Nhà xuất Bản Lao động (2020). Nội dung cuốn sách bao gồm các văn bản quy

phạm pháp luật quy định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của HTX, liên hiệp HTX trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế; áp dụng đối với HTX, liên hiệp HTX, thành viên HTX (sau đây gọi là thành viên), HTX thành viên của liên hiệp HTX (sau đây gọi là HTX thành viên) và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của HTX, liên hiệp HTX. Kết quả nghiên cứu của cuốn sách có giá trị tham khảo về cả mặt lý luận và thực tiễn cho đề tài nghiên cứu.

- Sách “*Hướng dẫn Luật Hợp tác xã*” (Liên minh HTX Việt Nam, 2020). Cuốn sách này là bản viết lại của “Luật HTX khung” trong đó một phiên bản sửa đổi đã được Đại hội đồng Liên minh Hợp tác Quốc tế (ICA) phê duyệt năm 2001 tại Seoul. Các đặc điểm cơ bản của phiên bản sửa đổi này vẫn không thay đổi. Việc thông qua Hướng dẫn của Liên hợp quốc nhằm tạo ra một môi trường hỗ trợ cho sự phát triển của HTX vào năm 2001 (Hướng dẫn của Liên hợp quốc), Khuyến nghị số 139 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về việc thúc đẩy HTX năm 2002, sửa đổi một số lượng lớn luật HTX, cũng như những bình luận của độc giả đã truyền cảm hứng cho tác giả khi xem lại văn bản này. Kết quả nghiên cứu của cuốn sách có giá trị tham khảo về cả mặt lý luận và thực tiễn cho đề tài nghiên cứu.

- Sách “*Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2020*” do Tổng cục Thống kê phát hành (2020). Nội dung “Sách trắng HTX Việt Nam năm 2020” (năm đầu tiên phát hành) gồm những thông tin cơ bản đánh giá mức độ phát triển HTX cả nước và các địa phương giai đoạn 2016-2018, gồm 5 phần: Bối cảnh phát triển HTX đến năm 2018; Tổng quan phát triển HTX Việt Nam năm 2018 và giai đoạn 2016-2018; Một số giải pháp phát triển HTX; Bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển HTX giai đoạn 2016-2018 (của cả nước); Bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển HTX giai đoạn 2016-2018 (của các địa phương). Cuốn sách có giá trị tham khảo tốt cho đề tài nghiên cứu về mặt kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn phát triển kinh tế hợp tác, HTX ở Việt Nam.

2.2. Một số công trình nghiên cứu

- Chuyên đề nghiên cứu về “*Bản chất HTX - Thực tiễn Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và khả năng vận dụng ở Việt Nam*” của Vụ HTX, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007). Chuyên đề đã tổng hợp các vấn đề tư tưởng HTX

và bản chất HTX mang tính phổ biến trên thế giới theo hệ thống trên khía cạnh kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đồng thời làm rõ một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển HTX tại Anh, Pháp, Đức... Qua đó, đưa ra nhận định Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển HTX thông qua tạo khuôn khổ pháp luật, ban hành chính sách hỗ trợ HTX, bảo đảm HTX thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế, chính trị và xã hội. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước không mang tính bao cấp, mà chỉ mang tính “bà đỡ”, tạo đà cho HTX tự phát triển. Nhà nước không can thiệp vào công việc của HTX. Chuyên đề cũng đã phân tích vai trò của HTX trong thế kỷ 21, thách thức toàn cầu và triển vọng phát triển HTX. Chuyên đề cũng đánh giá các mô hình pháp lý HTX thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, mô hình HTX theo Luật Hợp tác xã năm 1996, Luật Hợp tác xã năm 2003, mô hình THT theo Bộ luật Dân sự, mô hình pháp lý Liên hiệp HTX; đã chỉ ra mục tiêu phát triển, quan điểm tiếp cận, định hướng phát triển HTX. Hạn chế của chuyên đề là khoảng thời gian nghiên cứu giới hạn đến năm 2007 nên chưa cập nhật tình hình thực tiễn hiện nay.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở về “*Hoàn thiện Luật Hợp tác xã - Thực trạng và giải pháp*” do TS. Nguyễn Minh Sơn làm chủ nhiệm đề tài (2011). Đề tài đã đánh giá thực trạng triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2003, làm rõ những kết quả đạt được, những đóng góp của HTX đến phát triển KTXH của đất nước; góp phần hoàn thành nhiều mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế, xã hội... Bằng những minh chứng thực tế, đề tài nghiên cứu đã trình bày và đánh giá một cách khá toàn diện và đầy đủ thực trạng ban hành và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về HTX, trong đó tập trung vào Luật Hợp tác xã năm 2003. Ngoài những kết quả tích cực đã đạt được, đề tài nghiên cứu cũng đã đưa ra những hạn chế từ việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật đến thực tế triển khai thực hiện. Đồng thời, nhóm tác giả cũng tiến hành nghiên cứu chính sách, pháp luật của một số nước trên thế giới có liên quan đến việc thành lập, hoạt động của HTX. Trên cơ sở các phân tích, đề tài đã đưa ra một số giải pháp kiến nghị hoàn thiện Luật Hợp tác xã. Đề tài có giá trị tham khảo về mặt lý luận và kinh nghiệm quốc tế, tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của đề tài dựa trên hệ thống chính sách, pháp luật về HTX trước khi Luật Hợp tác xã năm 2012 được ban hành.

- Chuyên đề nghiên cứu về “*Kinh nghiệm phát triển HTX ở Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc*” của TS. Đặng Kim Sơn (2009). Chuyên đề đã đi sâu phân tích thực trạng phát triển HTX tại các nước Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc dựa trên nhiều khía cạnh như cơ cấu tổ chức, quá trình phát triển, các hoạt động của HTX như: tín dụng, bảo hiểm, chế biến nông sản, cung ứng hàng hóa, xúc tiến tiêu thụ và kinh doanh nông sản, hoạt động khuyến nông, hoạt động văn hóa xã hội... Chuyên đề có giá trị tham khảo về mặt kinh nghiệm quốc tế đối với đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, các kinh nghiệm phát triển HTX tại Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc mà tác giả đề cập mới tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, các lĩnh vực khác như xây dựng, giao thông, thương mại - dịch vụ... còn chưa được bao quát hết.

- Chuyên đề nghiên cứu về “*Xu thế mới của phát triển kinh tế tập thể: Nhu cầu hoàn thiện luật pháp, chính sách*” của Nguyễn Minh Tú (2009). Chuyên đề đã phân tích hai ví dụ điển hình về mô hình tổ chức KTTT hiệu quả (HTX chăn nuôi Nam Sách - Hải Dương và THT lúa giống và dịch vụ gặt, sấy Đồng Tháp). Chuyên đề đã đánh giá xu thế phát triển mới của HTX Việt Nam, qua đó chỉ ra xu hướng chuyển dịch sang loại hình HTX dịch vụ phục vụ xã viên, tuy nhiên, xu hướng này chưa được định hình rõ ràng, một phần nguyên nhân xuất phát từ hệ thống chính sách, pháp luật về HTX. Trên cơ sở đó, chuyên đề đã đánh giá nhu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện khung pháp luật cơ bản về KTTT. Chuyên đề đã chỉ ra sự cần thiết sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện khung pháp luật cơ bản và chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, tuy nhiên do thời điểm nghiên cứu từ năm 2009 nên nhiều khuyến nghị đã được nghiên cứu trong quá trình dự thảo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Chuyên đề nghiên cứu về “*Phát triển HTX nông nghiệp kiểu mới - Khâu đột phá để cơ cấu lại nông nghiệp và nâng cao thu nhập bền vững cho người nông dân*” của GS. TS. Nguyễn Thiện Nhân (2017). Chuyên đề đã làm rõ nguyên nhân tổng quát của các bất cập kéo dài trong nông nghiệp Việt Nam, đó là các mâu thuẫn: (i) Sản xuất trong cơ chế thị trường song lại không biết nhu cầu thị trường; (ii) Hộ nông dân cần vay vốn song không đủ điều kiện vay vốn; (iii) Năng suất tăng liên tục song thu nhập tăng rất chậm; (iv) Nông dân cần liên kết với doanh nghiệp để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, song mỗi doanh nghiệp không thể liên kết trực tiếp với hàng vạn hộ

nông dân riêng lẻ; (v) Thị trường đòi hỏi sản phẩm nông nghiệp phải có chứng nhận chất lượng sản phẩm và xuất xứ hàng hóa, song các cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm không thể giám sát trực tiếp hàng triệu hộ nông dân riêng lẻ với diện tích đất canh tác bình quân không quá 1 ha mỗi hộ; (vi) Nông dân cần ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, song các tổ chức nghiên cứu, dịch vụ khoa học - công nghệ không thể hướng dẫn trực tiếp cho hàng triệu hộ riêng lẻ với diện tích đất canh tác bình quân không quá 1 ha và nuôi trồng những loại cây, con khác nhau. Chuyên đề đã chỉ ra giải pháp cơ bản cho các mâu thuẫn này chính là thành lập các HTX kiểu mới, mà trước hết cần đổi mới nhận thức về vai trò, chức năng của HTX. Chuyên đề cũng đã đánh giá các mô hình liên kết trong cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016 - 2025 và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả KTTT. Chuyên đề là tài liệu tham khảo tốt cho đề tài nghiên cứu.

- Luận án tiến sĩ về *“Sự hình thành và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn Việt Nam”* của Lưu Hoài Chuẩn (2002). Luận án đã đề cập đến một số khái niệm thuộc phạm trù kinh tế hợp tác, phân tích mối quan hệ giữa các hình thức kinh tế hợp tác với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khẳng định sự gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển, mỗi bước phát triển của các hình thức kinh tế hợp tác là tạo ra điều kiện cho sự phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ngược lại, sự phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tác động rất sâu sắc đến hiệu quả kinh tế, xã hội của các hình thức kinh tế hợp tác.

Luận án cũng đã phân tích thực trạng tình hình phát triển của các hình thức kinh tế hợp tác trong giai đoạn 1960 - 2002, đồng thời đã đề cập đến sự chuyển đổi các hình thức kinh tế hợp tác trong thời kỳ Đổi Mới và đúc kết những bài học kinh nghiệm. Quán triệt sâu sắc những quan điểm của các nhà kinh điển về quá trình phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, luận án đã nêu lên các quan điểm chỉ đạo, phương hướng chung, phương hướng cụ thể và những giải pháp phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của luận án đã khá cũ do thời điểm nghiên cứu từ năm 2002 trong khi Luật Hợp tác xã đã được sửa đổi hai lần năm 2003 và năm 2012.

- Luận án tiến sĩ về *“Đổi mới tổ chức quản lý HTX thương mại ở Việt Nam”* của Nguyễn Văn Khiển (2003). Luận án đã phân tích nội dung cơ bản về tổ chức quản lý HTX thương mại cả tầm vĩ mô và vi mô, lý giải sự cần thiết phải đổi mới tổ chức quản lý HTX thương mại, phân tích kinh nghiệm tổ chức quản lý HTX thương mại ở những nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam như Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ. Thông qua phân tích phong trào HTX thương mại ở Việt Nam qua các thời kỳ phát triển, luận án đã phác họa bức tranh tổng thể về HTX thương mại Việt Nam, những thành tích đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại cần khắc phục. Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, quan điểm đề ra, luận đề xuất giải pháp đổi mới tổ chức quản lý HTX thương mại ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Trong đó lựa chọn đội ngũ quản lý, mô hình tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức kinh doanh và đổi mới cơ chế quản lý trong nội bộ HTX thương mại là quan trọng nhất. Các giải pháp ở tầm vi mô chỉ có kết quả nếu được tiến hành đồng bộ với những giải pháp ở tầm vĩ mô như đổi mới về nhận thức, tạo lập cơ sở pháp lý, ban hành các chính sách tạo nên môi trường kinh doanh và các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước. Luận án có giá trị tham khảo về mặt lý luận và thực tiễn trong quản lý HTX thương mại đối với đề tài nghiên cứu, tuy nhiên, thời điểm nghiên cứu là năm 2003 nên một số phân tích, nhận định đã không còn phù hợp với hệ thống chính sách, pháp luật về HTX thời điểm hiện tại.

- Luận án tiến sĩ về *“Phát triển HTX trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam”* của Phùng Quốc Chí (2010). Luận án đã xác định rõ tính tất yếu khách quan của việc phát triển mô hình HTX trên thế giới trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa phân công và hợp tác; bản chất, giá trị và các nguyên tắc hình thành HTX; tình hình và quan điểm của các nước có sự phát triển lâu đời các HTX; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về kinh tế HTX.

Luận án cũng đã tổng kết và phân tích sâu sắc thực trạng phát triển kinh tế HTX ở nước ta qua các giai đoạn; đi sâu làm rõ tình hình triển khai thực hiện và những vấn đề tồn tại về chính sách hỗ trợ phát triển HTX; nêu ra các nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong phát triển kinh tế HTX. Trên cơ sở dự báo những thách thức và triển vọng phát triển HTX trong quá

trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam, Luận án đã góp phần làm rõ định hướng phát triển HTX đến năm 2020; lựa chọn 6 lĩnh vực chủ yếu để phát triển, bao gồm: nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, tín dụng, xây dựng, vận tải; đề xuất các giải pháp cơ bản như nâng cao nhận thức về HTX, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật và cơ chế chính sách đối với HTX đặt trong bối cảnh công nghiệp hóa đến năm 2020. Luận án có giá trị tham khảo về mặt cơ sở lý luận và thực tiễn cho đề tài nghiên cứu, điểm hạn chế là các thông tin chỉ được cập nhật đến năm 2007.

- Luận án tiến sĩ về *“Phát triển HTX thương mại, dịch vụ trong hội nhập kinh tế quốc tế”* của Lê Mạnh Hùng (2012). Luận án đã khái quát và góp phần làm rõ về kinh tế hợp tác và HTX; luận giải căn cứ kinh tế, tính tất yếu của sự tồn tại và phát triển các HTX TMDV trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Luận án cũng đã nghiên cứu kinh nghiệm phát triển mô hình HTX TMDV ở một số quốc gia trên thế giới, rút ra những bài học với Việt Nam.

Luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng các HTX TMDV trên các nội dung như số lượng, mô hình, kết quả hoạt động, cơ chế chính sách, quản lý nhà nước..., từ đó nhận diện những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở khái quát và làm rõ một số nội dung lý thuyết liên quan đến HTX nói chung, HTX TMDV nói riêng; qua phân tích, đánh giá thực trạng các HTX TMDV ở Việt Nam, luận án đã đề xuất định hướng và hệ thống giải pháp nhằm phát triển HTX TMDV trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế Việt Nam. Đối với đề tài nghiên cứu, Luận án đã cung cấp các thông tin có giá trị về các HTX hoạt động trong lĩnh vực TMDV.

- Luận án tiến sĩ về *“Kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi”* của Phan Văn Hiếu (2017). Luận án đã hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về KTTT trong xây dựng nông thôn mới; phân tích bản chất, hình thức, nguyên tắc và xu hướng của KTTT, mối quan hệ giữa phát triển KTTT với xây dựng nông thôn mới. Luận án đã chọn lọc phân tích một số kinh nghiệm về phát triển KTTT trong xây dựng nông thôn mới của Ấn Độ và một số tỉnh, thành phố như Hà Nội, Sóc Trăng và rút ra các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Ngãi. Luận án cũng đã làm rõ thực trạng KTTT

trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015, trong đó đi sâu phân tích các thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến KTTT trong xây dựng nông thôn mới; tình hình triển khai, vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KTTT trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh Quảng Ngãi.

Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất các mục tiêu, quan điểm, phương hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển KTTT trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Những vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn của luận án có giá trị tham khảo tốt đối với đề tài nghiên cứu, tuy nhiên, điểm hạn chế là luận án mới đánh giá kết quả phát triển KTTT trên địa bàn một tỉnh, do vậy, kết quả đánh giá chưa thể bao quát, đại diện cho cả nước.

- Luận văn thạc sĩ về *“Phát triển HTX nông nghiệp ở ngoại thành Hà Nội trong kinh tế thị trường”* của Đoàn Thị Tâm (2009). Luận văn đã phân tích đặc điểm, nguyên tắc và tính đặc thù của HTX nông nghiệp trong kinh tế thị trường; phân tích kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp ở một số nước như Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ và rút ra những kinh nghiệm phát triển HTX trong nông nghiệp có thể vận dụng vào nước ta. Luận văn đã phân tích thực trạng phát triển HTX nông nghiệp ở ngoại thành Hà Nội.

Trên cơ sở đó, đưa ra phương hướng và giải pháp để phát triển HTX nông nghiệp ngoại thành Hà Nội: (i) Nâng cao nhận thức của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân đối với quá trình đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp; (ii) Quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho HTX nông nghiệp; (iii) Hỗ trợ vốn SXKD cho phát triển HTX nông nghiệp; (iv) Tổ chức tốt khâu cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các HTX nông nghiệp; (v) Giải quyết những vấn đề tồn đọng về tài sản, vốn của các HTX; (vi) Tăng cường hơn nữa công tác khuyến nông trong các HTX nông nghiệp; (vii) Củng cố và nhân rộng từng bước những mô hình HTX nông nghiệp tiên tiến. Kết quả nghiên cứu của luận văn có hạn chế là được thực hiện trước khi Luật Hợp tác xã năm 2012 ban hành và các khuyến

nghị giới hạn áp dụng cho HTX nông nghiệp ngoại thành Hà Nội.

- Luận văn thạc sĩ về *“Một số vấn đề pháp lý về HTX và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội”* của Trần Lê Thu (2010). Luận văn đã tập hợp một cách đầy đủ và toàn diện các quy định về thành lập, một số quy định về hoạt động của HTX và chỉ rõ các ưu, nhược điểm; tìm hiểu một số quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của HTX một số nước trên thế giới và của một số loại hình doanh nghiệp có tính chất tương đồng; tìm hiểu thực tiễn áp dụng luật trên địa bàn thành phố Hà Nội để tìm ra những phù hợp và sai lệch giữa lý luận và thực tiễn; chỉ rõ những quy định phù hợp và những hạn chế của pháp luật hiện hành về thành lập và hoạt động HTX.

Qua đánh giá những hạn chế, bất cập và nguyên nhân, Luận văn đã đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thành lập, hoạt động HTX. Điểm hạn chế là Luận văn được thực hiện trước thời điểm Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành, do đó, chỉ nghiên cứu một số vấn đề về thành lập và hoạt động của HTX được quy định trong Luật Hợp tác xã năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan, chưa cập nhật đến thời điểm hiện tại.

- Luận văn thạc sĩ về *“Xây dựng mô hình HTX nông nghiệp ở Hải Dương”* của Vũ Thanh Nguyên (2011). Luận văn đã khái quát quá trình chuyển đổi hình thức từ HTX nông nghiệp kiểu cũ sang hình thức HTX nông nghiệp kiểu mới; xây dựng mô hình HTX nông nghiệp phân theo tiểu vùng, liên vùng tạo sự gắn kết, hỗ trợ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Luận văn đã đưa ra góc nhìn về vai trò của HTX nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp ở Hải Dương, phương hướng phát triển hình thức kinh tế hợp tác trong xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp hiện đại ở tỉnh Hải Dương. Một số đề xuất, kiến nghị của luận văn có giá trị tham khảo đối với chuyên đề nghiên cứu, tuy nhiên, luận văn có giới hạn cả về phạm vi thời gian nghiên cứu (năm 2011) và phạm vi không gian nghiên cứu (tỉnh Hải Dương).

- Luận văn thạc sĩ về *“Phát triển kinh tế tập thể ở Quảng Bình”* của Đoàn Minh Thọ (2014). Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển KTTT; phân tích và đánh giá thực trạng phát

triển KTTT ở Quảng Bình giai đoạn 2005 - 2013; đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển KTTT ở Quảng Bình đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020. Điểm hạn chế của luận văn, cũng như các công trình nghiên cứu trước, là những nhận định, đánh giá được đưa ra bị giới hạn về mặt phạm vi không gian.

- Ngoài ra, có một số Luận án thạc sĩ có nghiên cứu về *“Cơ cấu tổ chức quản lý Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012”*, *“Pháp luật về hợp tác xã từ thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai”*, *“Tổ chức quản lý hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012 từ thực tiễn thực hiện tại huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội”*, *“Pháp luật về hợp tác xã từ thực tiễn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”*,...

Nhận thấy, các công trình nghiên cứu liên quan đến hợp tác xã không nhiều, trong thời gian vừa qua cơ bản chỉ có các công trình nghiên cứu về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; pháp luật chung về hợp tác xã, mô hình, phương thức quản lý liên quan đến hợp tác xã; chưa có đề tài, đề án nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề giải thể hợp tác xã tại Việt Nam; chưa có nghiên cứu chuyên sâu về pháp lý về giải thể hợp tác xã.

3. Mục đích, nhiệm vụ thực hiện Đề án

3.1. Mục đích

Mục tiêu nghiên cứu của đề án là làm rõ hơn những vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật về giải thể hợp tác xã và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải thể hợp tác xã, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

Một là, khái lược một số vấn đề lý luận về giải thể hợp tác xã và pháp luật về giải thể hợp tác xã.

Hai là, phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi thực hiện Đề án

4.1. Đối tượng: Đối tượng nghiên cứu của Đề án là các vấn đề lý luận về giải thể hợp tác xã, quy định pháp luật Việt Nam về giải thể hợp tác xã, thực tiễn thực hiện pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phạm vi thực hiện Đề án

4.2.1. Phạm vi về nội dung: Do thời gian thực hiện không dài, đề án tập trung thực hiện trong phạm vi các quy định của pháp luật về giải thể hợp tác xã tại Việt Nam, thực tiễn thực hiện việc giải thể hợp tác xã tại Việt Nam.

4.2.2. Phạm vi về không gian và thời gian:

a) Phạm vi về không gian: Nhằm có cái nhìn toàn diện về pháp luật về giải thể hợp tác xã, số liệu được tổng hợp trên phạm vi cả nước, nên đề án thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

b) Phạm vi về thời gian: Số liệu được nghiên cứu trong khoảng 05 năm (từ năm 2020 đến năm 2024), để có nhiều số liệu có ý nghĩa phục vụ so sánh, nghiên cứu, phân tích và đưa ra kiến nghị tại Chương 3.

5. Phương pháp luận và phương pháp thực hiện đề án

Trong quá trình thực hiện đề tài này, học viên sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp lịch sử: được sử dụng khi nghiên cứu quá trình hình thành các quy định của pháp luật về hợp tác xã, trọng tâm về giải thể hợp tác xã.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp: được thực hiện khi nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam; tổng hợp số liệu về giải thể hợp tác xã để rút ra nhận xét, đánh giá từng vấn đề dưới góc độ pháp lý.
- Phương pháp so sánh, đối chiếu: được sử dụng để so sánh các quy phạm nội dung giữa Luật Hợp tác xã qua các thời kỳ, trọng tâm về giải thể hợp tác xã.
- Phương pháp logic cũng được sử dụng xuyên suốt trong quá trình thực hiện đề tài để đảm bảo các vấn đề được sắp xếp một cách thống nhất và hợp lý; đảm bảo các giải pháp đưa ra phù hợp với thực tiễn và có cơ sở khoa học.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề án góp phần bổ sung và hoàn thiện một số vấn đề lý luận về giải thể hợp tác xã, cũng như làm rõ hơn khái niệm, đặc điểm hợp tác xã; những đánh giá chuyên môn và quy định pháp luật về giải thể hợp tác xã; qua đó góp phần bổ sung, làm phong phú hơn lý luận về pháp luật giải thể hợp tác xã.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề án “**Pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay**”, cung cấp bức tranh toàn diện về vấn đề pháp lý và có đầy đủ thông tin số liệu về nguyên nhân, số lượng hợp tác xã ngừng hoạt động, chưa thể giải thể được từ đó có những đề xuất, kiến nghị giải quyết các vấn đề thực tiễn góp phần khơi thông nguồn lực cho kinh tế tập thể phát triển, tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế của Việt Nam phát triển.

Mặt khác, Đề án có thể cung cấp nguồn tài liệu hữu ích cho việc giảng dạy cũng như là tài liệu quan trọng cho các cơ quan nhà nước tham khảo, nghiên cứu trong quá trình hoạch định chính sách và hoàn thiện thể chế.

7. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, tiểu kết chương, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, bảng, biểu đồ,... phần Nội dung của Đề án gồm 03 Chương sau đây:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về giải thể hợp tác xã và pháp luật về giải thể hợp tác xã.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP TÁC XÃ, GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ

1.1. Những vấn đề lý luận về hợp tác xã

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò hợp tác xã

1.1.1.1. Khái niệm

Ở nhiều nước trên thế giới, hợp tác xã đã hình thành và phát triển hơn 100 năm, có nhiều cách định nghĩa về hợp tác xã:

Liên minh Hợp tác xã Quốc tế (International Cooperative Alliance - ICA) được thành lập tháng 8 năm 1895 tại Luân Đôn, vương quốc Anh đã định nghĩa hợp tác xã như sau: "*Hợp tác xã là một tổ chức tự quản lý của những người tự nguyện liên hiệp lại để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung của họ về kinh tế, xã hội và văn hoá thông qua một Xi nghiệp cùng sở hữu và quản lý dân chủ*". Năm 1995, định nghĩa này vẫn được giữ nguyên trong Bản tuyên bố của ICA về HTX.

Tổ chức Lao động quốc tế (International Labour Organization - ILO) định *hợp tác xã là sự liên kết những người đang gặp phải những khó khăn kinh tế giống nhau, tự nguyện liên kết nhau lại trên cơ sở bình đẳng quyền lợi và nghĩa vụ, sử dụng tài sản của họ đã chuyển giao vào hợp tác xã phù hợp với các nhu cầu chung và giải quyết những khó khăn đó chủ yếu bằng sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bằng cách sử dụng các chức năng kinh doanh trong tổ chức hợp tác phục vụ cho lợi ích vật chất và tinh thần chung*.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, Đại hội liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) lần thứ 31 tổ chức tại Manchester - Vương quốc Anh đã định nghĩa về hợp tác xã như sau: "*Hợp tác xã là hiệp hội hay là tổ chức tự chủ của cá nhân liên kết với nhau một cách tự nguyện nhằm đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một tổ chức kinh tế cùng nhau làm chủ chung và kiểm tra dân chủ*"

Ở Việt Nam, định nghĩa về hợp tác xã được thay đổi theo từng văn

bản Luật được ban hành trong từng thời kỳ, cụ thể như sau:

Luật Hợp tác xã 1996 (Luật số 47-L/CTN): Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luật Hợp tác xã 2003 (Luật số 18/2003/QH11): Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của Luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Luật Hợp tác xã 2012 (Luật số 23/2012/QH13): Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất **07 thành viên** tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.*

*Luật Hợp tác xã năm 2023 (Luật số 17/2023/QH15) có quy định mới nhất về hợp tác xã như sau: “Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất **05 thành viên** chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ”.*

Qua việc nghiên cứu các khái niệm, bản thân tác giả nhận thấy khái niệm về hợp tác xã tại Luật Hợp tác xã năm 2023 là khá toàn diện và rất mở đặc biệt là mở hơn về số lượng thành viên chính thức tham gia hợp tác xã, từ đó tạo thuận lợi hơn trong việc thành lập hợp tác xã. Tác giả thống nhất với nội dung khái niệm về hợp tác xã tại Luật Hợp tác xã năm 2023.

1.1.1.2. Đặc điểm của hợp tác xã

Một là, dưới góc độ kinh tế, hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tập thể, có các thành viên là cá nhân hoặc tổ chức tự nguyện tham gia.

Hai là, dưới góc độ xã hội, hợp tác xã là một tổ chức kinh tế mang tính xã hội và nhân văn sâu sắc; đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững.

Ba là, dưới góc độ pháp lý, hợp tác xã là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

Bốn là, về tổ chức quản lý, hợp tác xã được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Năm là, về phân phối, hợp tác xã thực hiện việc phân phối thu nhập cho các thành viên theo lao động, theo phần vốn góp và theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã.

Sáu là, về chính sách, hợp tác xã được hưởng các chính sách bảo đảm, hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước.

1.1.1.3. Vai trò của hợp tác xã

Về mặt kinh tế: Kinh tế tập thể, hợp tác xã tạo ra cơ hội và phương thức phát triển kinh tế cho những người lao động đơn lẻ, những cá nhân, những hộ gia đình, tập hợp lại với nhau để tạo ra sức mạnh mới, nhằm khắc phục khó khăn, tránh rủi ro trước thị trường; có cơ hội tiếp cận vốn, kỹ thuật, phát huy sức mạnh của việc liên kết để tạo gia hiệu quả về kinh tế và có sự tương hỗ với các loại hình kinh tế khác.

Về mặt chính trị - xã hội: Với nguyên tắc tự nguyện, hợp tác và liên kết của những người sản xuất nhỏ, HTX là mô hình tổ chức kinh tế phù hợp kết hợp hài hòa giữa sự tự lực của thành viên, hợp tác xã và sự trợ giúp về chính sách của Nhà nước, kết hợp giữa Nhà nước, xã hội và thị trường một cách hiệu quả; tạo nên ý thức đoàn kết, tương thân, tương ái, tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên, có tác động tích cực đến đời sống xã hội.

Trải qua các thời kỳ phát triển, bản chất, giá trị và các nguyên tắc hoạt

động, vai trò của HTX phù hợp với chủ trương của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở nước ta và quy định của Hiến pháp: *“Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật”*.

Vai trò về xã hội thể hiện rõ nét đối với an sinh xã hội, các thành viên hợp tác xã có nhiều người nghèo, thu nhập thấp, khó khăn trong kinh tế và vốn đầu tư; vai trò cải thiện thị trường lao động và thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội.

1.1.1.4. Bản chất của hợp tác xã

Từ các định nghĩa trên cho thấy HTX có các đặc trưng bản chất sau đây:

Thứ nhất, HTX là tổ chức kinh tế - xã hội liên kết các cá nhân, hộ gia đình và pháp nhân, được hình thành theo nguyên tắc tự nguyện nhằm đáp ứng các nhu cầu chung của xã viên theo nguyên tắc tương trợ. HTX là nơi tập hợp và liên kết các cá nhân, qua đó họ (các xã viên) giúp đỡ lẫn nhau và hợp tác với nhau nhằm thực hiện các nhu cầu chung của họ về hàng hóa/dịch vụ/văn hóa/xã hội. Lý do cơ bản là các nhu cầu chung này của xã viên chỉ được đáp ứng hoặc được đáp ứng hiệu quả hơn thông qua HTX. Vì vậy, nếu HTX không đáp ứng được các nhu cầu chung của xã viên ở mức độ nhất định, sự liên kết và hợp tác giữa các thành viên sẽ bị yếu đi và HTX sẽ bị suy yếu. Với những lý do trên, HTX là một tổ chức kinh tế - xã hội liên kết các cá nhân được hình thành nhằm đáp ứng các nhu cầu chung của xã viên theo nguyên tắc tương trợ.

Thứ hai, HTX được thành lập nhằm đáp ứng cả nhu cầu kinh tế, văn hóa và xã hội của xã viên và cộng đồng. Khác với các doanh nghiệp được thành lập thuần túy vì mục đích là tối đa hóa lợi nhuận (mục tiêu kinh tế) của các nhà đầu tư (những người góp vốn), các HTX được thành lập nhằm đáp ứng cả các nhu cầu về văn hóa và xã hội của cả các xã viên và cộng đồng dân cư.

Thứ ba, HTX là một tổ chức kinh tế tự chủ có tính dân chủ cao. HTX được thành lập trên cơ sở góp vốn của xã viên, những người đồng sở hữu HTX, vì vậy hợp tác xã là một đơn vị kinh tế tự chủ. Tuy nhiên, HTX khác với các tổ chức kinh tế khác (các doanh nghiệp) ở tính dân chủ cao. Với tư cách là người quản lý, các xã viên HTX có quyền tham gia vào các quyết định của HTX một cách dân chủ. Là người làm thuê, các xã viên HTX được quyền hưởng các lợi ích cơ bản của người lao động là tiền lương và các quyền lợi liên quan khác. Điều này làm cho HTX khác với các doanh nghiệp có mục tiêu thuần túy về mặt thương mại.

Thứ tư, Tài sản chung của HTX là bất khả chuyển nhượng. Vốn góp của xã viên HTX ở nhiều nước có cách gọi khác nhau: dự phần xã hội, vốn góp điều lệ, cổ phần. Trong suốt quá trình tham gia HTX, xã viên chỉ được sở hữu tư nhân phần vốn góp ban đầu của họ; còn một phần tài sản hình thành từ hoạt động của HTX là tài sản chung không chia của HTX; trường hợp HTX bị giải thể, tài sản này phải được chuyển giao cho chính quyền địa phương; trường hợp xã viên rút ra khỏi HTX, thì chỉ rút phần vốn đã góp. Sở hữu tài sản chung không phân chia là đặc điểm mang tính bản chất của HTX, phản ánh tính cộng đồng cao HTX.

Thứ năm, HTX có những điểm khác với các hình thức tổ chức kinh tế khác (doanh nghiệp) cơ bản ở hai điểm chính: (i) *HTX là hiệp hội các cá nhân đồng ý trở thành những người đồng sở hữu, người đưa ra các quyết định dân chủ và người khai thác doanh nghiệp chung*; (ii) *mục tiêu cơ bản của HTX là đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội của xã viên. Hay nói cách khác, hợp tác xã là tổ chức kinh tế - xã hội khác với các loại hình doanh nghiệp về mục tiêu thành lập (HTX đáp ứng các nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội của xã viên) và tổ chức hoạt động (HTX có tính dân chủ, tính tương trợ cao).*

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của giải thể hợp tác xã

1.1.2.1. Khái niệm về giải thể hợp tác xã:

Giống như những thực thể trong xã hội, hợp tác xã cũng có quá trình sinh ra, phát triển và diệt vong. Quá trình hình thành và phát triển của hợp tác

xã cũng trải qua những giai đoạn khác nhau. Hợp tác xã có bản chất là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân nên khi có lý do, điều kiện do luật định, hợp tác xã có thể giải thể hợp tác xã, tức là chấm dứt sự tồn tại của mình.

Ở góc độ ngôn ngữ, thuật ngữ “giải thể” đã được Từ điển tiếng Việt giải nghĩa là *“không còn tồn tại, làm cho không còn tồn tại như một tổ chức, các thành phần, thành viên phân tán đi”*¹. Theo cách giải thích này, giải thể là chấm dứt sự tồn tại của một tổ chức.

Ở góc độ pháp lý, khái niệm giải thể hợp tác xã chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào. Bộ Luật Dân sự, Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản hướng dẫn không quy định cụ thể về khái niệm giải thể hợp tác xã.

Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX có những quy định cơ sở pháp lý điều chỉnh việc giải thể hợp tác xã.

Quan điểm của tác giả về giải thể hợp tác xã có thể được hiểu là *việc chấm dứt sự tồn tại của hợp tác xã khi có đủ và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật*.

1.1.2.2. Đặc điểm của giải thể hợp tác xã

Trên cơ sở về bản chất của giải thể hợp tác xã và nội dung các quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX, đặc điểm của giải thể hợp tác xã gồm:

Thứ nhất, giải thể hợp tác xã dẫn đến việc chấm dứt sự tồn tại của hợp tác xã.

Thứ hai, giải thể hợp tác xã mang tính tự nguyện hoặc bắt buộc.

Thứ ba, giải thể hợp tác xã là thủ tục pháp lý mang tính chất là thủ tục hành chính, nhằm chấm dứt sự tồn tại của hợp tác xã dưới tư cách pháp nhân, khác với phá sản là thủ tục tố tụng, gắn liền với lý do mất khả năng thanh toán.

¹ Viện Ngôn ngữ học (1996). Từ điển Tiếng Việt. Nxb Hồng Đức

Thứ tư, điều kiện giải thể hợp tác xã:

(1) Hợp tác xã chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người giữ chức danh có liên quan trong hợp tác xã cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của hợp tác xã; phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về giải thể.

(2) đối với giải thể tự nguyện phải có đơn xin giải thể và nghị quyết của đại hội thành viên, hợp tác xã phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của mình trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể;

(3) đối với giải thể HTX bắt buộc: theo quyết định của Tòa án hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp luật khác có quy định khác.

1.1.2.3. Ý nghĩa của giải thể hợp tác xã

a) Đối với hợp tác xã:

Sự ra đời, hoạt động, phát triển và giải thể là vấn đề tất yếu có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của loại hình kinh tế hợp tác. Giải thể hợp tác xã để chấm dứt hoạt động của hợp tác xã và giải phóng nguồn lực (tài sản, nhân lực) để các thành viên chủ động cho hoạt động, mục tiêu riêng của họ và cũng có thể để họ tham gia các loại hình sản xuất, kinh doanh khác hay thành lập HTX mới có những tiến bộ hơn.

Hoạt động của HTX không hiệu quả sẽ dẫn đến kìm hãm sản xuất kinh doanh hoặc khi không còn chung mục tiêu hoặc hoạt động của HTX không còn theo tôn chỉ, mục đích thì việc giải thể là cần thiết để giải phóng nguồn lực cho xã hội.

Hợp tác xã tiến hành giải thể tự nguyện vì một hoặc một số lý do; HTX tiến hành giải thể sẽ có sự tự chủ về mọi mặt, mang yếu tố tự quyết. Việc một hợp tác xã vì không hoạt động, kinh doanh thua lỗ mà tiến hành giải thể, thực hiện giải thể sẽ giúp định hướng lại sản xuất theo hướng hiệu quả.

Hợp tác xã phải luôn sáng tạo, tìm tòi phương hướng kinh doanh phù hợp với đặc điểm, tình hình mới. Đặc biệt là cần tìm được sự thích ứng với môi trường kinh doanh biến động không ngừng. Sau khi tiến hành giải thể và thực hiện xong các nghĩa vụ tài sản thì hợp tác xã hoàn toàn có thể chuyển sang hướng kinh doanh khác khi đáp ứng đủ điều kiện. Mặt khác, giải thể hợp tác xã để đảm bảo quyền, lợi ích của các thành viên có liên quan.

b) Đối với nền kinh tế

Giải thể hợp tác xã có nhiều ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay, có thể sẽ là việc chọn lọc tự nhiên trong nền kinh tế thị trường, những gì phù hợp sẽ được phát triển, ngược lại sẽ được loại bỏ nhằm thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ hơn.

HTX là một bộ phận trong nền kinh tế quốc dân. Việc các HTX hoạt động không hiệu quả, thì việc thực hiện giải thể hợp tác xã chính là một trong những cách thúc đẩy kinh tế tập thể, HTX phát triển hiệu quả, thực chất, đúng bản chất.

Các hợp tác xã bắt buộc bị giải thể là trường hợp chấm dứt hoạt động của hợp tác xã theo ý chí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi HTX hoạt động không đảm bảo các điều kiện theo quy định hoặc có sự vi phạm pháp luật trong quá trình hoạt động. Do đó, giải thể HTX giúp cho nền kinh tế sẽ không bị ảnh hưởng theo hướng xấu, tiêu cực.

1.2. Khái quát pháp luật về giải thể hợp tác xã

1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải thể hợp tác xã

Hiện nay không có quy định cụ thể khái niệm pháp luật về giải thể hợp tác xã. Tuy nhiên, dựa trên bản chất của pháp luật và nội dung của giải thể HTX, có thể hiểu pháp luật về giải thể hợp tác xã là một bộ phận của pháp luật về HTX, là *tập hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong vấn đề giải thể hợp tác xã nhằm giải quyết vấn đề giải thể hợp tác xã.*

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về giải thể hợp tác xã

Cùng với quá trình phát triển của đất nước pháp luật về giải thể hợp tác xã đã có sự kế thừa, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử phát triển phát triển của nền kinh tế. Giải thể hợp tác xã

được pháp luật quy định ngày càng chi tiết và hoàn thiện hơn, theo hướng bảo đảm hơn quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên HTX và bảo đảm được quyền, lợi ích của Nhà nước.

Pháp luật có liên quan đến giải thể hợp tác xã hiện nay cơ bản được quy định tại các văn bản: Bộ Luật dân sự, Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về HTX.

Trong đó, Luật Hợp tác xã 2023 là văn bản quy định cụ thể và toàn diện nhất, thể hiện thông qua các nội dung:

- Các trường hợp giải thể;
- Các hành vi bị cấm khi giải thể hợp tác xã;
- Quy định về trình tự, thủ tục, cơ quan có thẩm quyền thực hiện giải thể hợp tác xã.
- Quy định việc xử lý tài sản của hợp tác xã khi giải thể;
- Quy định về chấm dứt tư cách thành viên chính thức khi hợp tác xã bị giải thể;
- Quy định cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Luật Hợp tác xã 2023 là văn bản quy định cao nhất và khá cụ thể, toàn diện về vấn đề giải thể hợp tác xã. Luật đã quy định rõ về các trường hợp giải thể và các hành vi bị cấm khi giải thể nhằm công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả của việc thực thi trong công tác quản lý về hợp tác xã. Mặt khác, các hành vi bị cấm cần được quy định tại Luật bảo đảm đã tuân thủ quy định của Hiến pháp “việc quy định hạn chế quyền của công dân cần

được quy định tại văn bản luật” là hoàn toàn phù hợp.

Luật Hợp tác xã 2023 cũng đã quy định khá cụ thể về “trình tự, thủ tục, cơ quan có thẩm quyền thực hiện giải thể hợp tác xã; việc xử lý tài sản của hợp tác xã khi giải thể” thể hiện sự minh bạch của pháp luật, tạo cho công tác thực thi thuận tiện và phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Pháp luật về hợp tác xã đã quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh liên quan đến giải thể hợp tác xã, bao gồm cơ sở của việc giải thể (giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc), điều kiện giải thể (phải thanh toán hết nợ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định), quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và thẩm quyền thực hiện giải thể. Hệ quả pháp lý của việc giải thể là việc chấm dứt hoạt động của hợp tác xã.

Để bảo vệ lợi ích của người lao động (thành viên hợp tác xã) và chủ nợ trong việc giải thể, Luật Hợp tác xã đã quy định cụ thể về việc *“thanh toán hết các khoản nợ”, “cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh”; “Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”, “thực hiện nghĩa vụ tài chính”, “xử lý tài sản”*.

1.2.3. Vai trò của pháp luật về giải thể hợp tác xã

Pháp luật về giải thể hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, giải quyết các mối quan hệ liên quan trong HTX, thể hiện thông qua một số vai trò chủ yếu sau:

Thứ nhất, tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc để cơ quan nhà nước, HTX và các tổ chức, cá nhân thống nhất áp dụng và phải đảm bảo tính hợp pháp, trong khi đó pháp luật về HTX chính là công cụ để đảm bảo sự hợp pháp đó; pháp luật về giải thể hợp tác xã là cơ sở pháp lý vững chắc trong việc tiến hành việc giải thể hợp tác xã.

Thứ hai, là công cụ triển khai, thực hiện thông qua việc pháp luật quy định về nguyên tắc, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của HTX, của cơ

quan, cá nhân cũng như các chế tài xử lý liên quan và là công cụ kiểm soát quyền lực Nhà nước và cũng là công cụ để Nhà nước quản lý về việc giải thể HTX.

Thứ ba, là công cụ để Nhà nước quản lý HTX. Theo đó, với những đặc điểm của mình như tính quy phạm phổ biến, tính bắt buộc chung, tính cưỡng chế... pháp luật có khả năng được triển khai phổ biến, nhanh chóng, đồng bộ, có hiệu quả và rộng khắp trong phạm vi cả nước thông qua các chính sách phổ biến pháp luật về HTX. Qua đó, Nhà nước đưa ra các quy định quản lý liên quan đến vấn đề giải thể HTX phù hợp với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước.

Thứ tư, đóng vai trò bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ và giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến việc giải thể HTX. Bởi có thể thấy, trong xã hội việc phát sinh các mâu thuẫn là điều không tránh khỏi, khi các mâu thuẫn phát sinh, cần phải có căn cứ để các bên dựa vào đó để giải quyết các mâu thuẫn của mình khi đó, pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất và pháp luật về HTX nói chung hiện nay đã điều chỉnh các trường hợp đó.

1.2.4. Các yếu tố tác động đến pháp luật về giải thể hợp tác xã

Pháp luật về giải thể hợp tác xã cơ bản nằm trong hệ thống pháp luật chung về HTX và trong tổng thể hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay. Có nhiều yếu tố tác động đến pháp luật về HTX nói chung và về giải thể HTX nói riêng, nhưng cơ bản bởi các yếu tố sau:

Thứ nhất, Yếu tố kinh tế. Trong đó yếu tố kinh tế hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tổng thể các điều kiện, hoàn cảnh về kinh tế - xã hội, hệ thống chính sách kinh tế, chính sách xã hội và việc triển khai thực hiện, áp dụng chúng có liên quan đến lĩnh vực HTX. Yếu tố kinh tế là nền tảng của sự nhận thức hiểu biết pháp luật và thực hiện pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật về giải thể HTX nói riêng nên có tác động mạnh mẽ tới hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật liên quan đến giải thể HTX.

Thứ hai, Yếu tố chính trị, là yếu tố gắn chặt với quyền lực Nhà nước. Quyền lực nhà nước được thể hiện thông qua các chủ thể có chức vụ quyền

hạn. Do đó, quyền lực nhà nước không được kiểm soát chặt chẽ sẽ bị lạm dụng, chiếm đoạt, bị tha hóa thành quyền lực cá nhân biến thành công cụ để thực hiện các hành vi. Khi chính trị thay đổi thì sẽ là yếu tố tác động mạnh mẽ đến pháp luật về giải thể hợp tác xã.

Thứ ba, Yếu tố pháp luật, là yếu tố rất quan trọng trong việc thực thi pháp luật nói chung và pháp luật về HTX nói riêng. Pháp luật sẽ đóng vai trò là cơ sở, là nền tảng và là công cụ để thực hiện công tác quản lý trong tổng hòa mối quan hệ và có sự thống nhất, song hành của từng pháp luật chuyên ngành với pháp luật chung. Khi pháp luật có sự thay đổi thì có thể có ảnh hưởng đến pháp luật về giải thể hợp tác xã bởi lẽ phải có sự thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ hệ thống pháp luật.

Thứ tư, Yếu tố hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế cũng có tác động lớn đến hệ thống pháp luật về HTX. Khi hội nhập quốc tế các quan hệ giao lưu với các nước trên thế giới được rộng mở, hàng hóa xuất khẩu đi các nước, thì hệ thống pháp luật về HTX nói chung cũng có sự ảnh hưởng và điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ năm, Yếu tố văn hóa - xã hội, nền văn hóa của mỗi quốc gia sẽ có một số đặc trưng riêng, nhưng vẫn có sự du nhập văn hóa từ đó cũng có tác động đến pháp luật nói chung và pháp luật về hợp tác xã nói riêng.

Thứ sáu, Yếu tố khác, mỗi pháp luật đều ảnh hưởng bởi những điều kiện cho việc tổ chức thi hành (kinh phí, nhân lực, kỹ thuật,...). Thực tế nhiều văn bản QPPL ban hành nhưng không đi vào cuộc sống vì công tác tổ chức thi hành pháp luật, có thể do không có kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến, không có đầy đủ cơ sở vật chất, con người thực hiện tổ chức thi hành.

Bên cạnh đó, yếu tố thanh tra, kiểm tra cũng tác động đến pháp luật về giải thể hợp tác xã, qua thanh tra, kiểm tra sẽ biết được tồn tại, hạn chế của văn bản từ đó kiến nghị điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện thể chế.

Các yếu tố tác động đến pháp luật về giải thể hợp tác xã nêu trên được minh chứng rất rõ trong các thời kỳ sửa đổi Luật Hợp tác xã (1996, 2003, 2012, 2023) đều phải có sự khảo sát, đánh giá tác động, phân tích, dự báo cụ thể để bảo đảm các quy định đưa ra được thống nhất, đồng bộ, hội nhập, đạt được mục tiêu phát triển kinh tế và phù hợp với thực tiễn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Ở Chương 1, tác giả đã trình bày khá cụ thể về những vấn đề lý luận về hợp tác xã, giải thể hợp tác xã và pháp luật về giải thể hợp tác xã, qua đó đã có cái nhìn toàn diện về khái niệm, vai trò, đặc điểm, các yếu tố tác động đến pháp luật hợp tác xã, giải thể hợp tác xã; pháp luật giải thể hợp tác xã là một nội dung quan trọng trong pháp luật hợp tác xã.

Chương 1 thể hiện rõ, khái quát lý luận đã được nghiên cứu trên sẽ là cơ sở để tác giả tiến hành phân tích, đánh giá, bình luận, làm rõ các quy định pháp luật hiện hành về giải thể cũng như thực trạng áp dụng pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Chương sau.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về giải thể hợp tác xã

2.1.1. Quy định về các trường hợp giải thể hợp tác xã

Pháp luật HTX hiện nay quy định 02 trường hợp giải thể HTX: “(i) *Giải thể tự nguyện theo nghị quyết Đại hội thành viên*; (ii) *Giải thể bắt buộc theo quyết định của Tòa án hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp luật khác có quy định khác*”.

(i) *Giải thể tự nguyện đối với hợp tác xã*:

Đại hội thành viên thông qua nghị quyết giải thể hợp tác xã. Nghị quyết giải thể phải bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: *Tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã; Lý do giải thể; Thời hạn và thủ tục bàn giao tài sản chung không chia, quỹ chung không chia; Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ, phương án giải quyết nợ. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán nợ; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ; Phương án xử lý nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động*.

Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của hợp tác xã theo nghị quyết của Đại hội thành viên, trừ trường hợp Điều lệ quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoàn thành các công việc sau đây: *Gửi nghị quyết giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan thuế, người lao động trong hợp tác xã; Niêm yết công khai nghị quyết giải thể tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã; Trường hợp còn nghĩa vụ tài chính chưa giải quyết thì phải gửi nghị quyết giải thể đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan*.

Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết giải thể.

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký giải thể hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định của Chính phủ.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

(ii) Giải thể bắt buộc đối với hợp tác xã:

Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, hợp tác xã phải thực hiện theo quy định. Khi gửi nghị quyết giải thể phải gửi kèm theo bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông báo tình trạng đang làm thủ tục giải thể hợp tác xã theo quy định mà không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

2.1.2. Trường hợp được giải thể hợp tác xã

Hợp tác xã chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người giữ chức

đang có liên quan trong hợp tác xã cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của hợp tác xã; phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về giải thể

2.1.3. Các hành vi bị cấm khi giải thể hợp tác xã

Kể từ khi có nghị quyết giải thể, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định giải thể của Tòa án, người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên của hợp tác xã bị cấm:

- Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của hợp tác xã;
- Ký kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể hợp tác xã;
- Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- Huy động vốn dưới mọi hình thức.

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Trình tự, thủ tục giải thể hợp tác xã

2.1.4.1. Trình tự, thủ tục giải thể tự nguyện đối với hợp tác xã:

Căn cứ Điều 98 Luật Hợp tác xã 2023 thì thủ tục giải thể tự nguyện sẽ trải qua các bước sau đây:

Bước 1, Đại hội thành viên thông qua nghị quyết giải thể hợp tác xã. Nghị quyết giải thể hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu: *Tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã; lý do giải thể; thời hạn và thủ tục bàn giao tài sản chung không chia, quỹ chung không chia; thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng*

và thanh toán các khoản nợ, phương án giải quyết nợ; phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán nợ; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ; phương án xử lý nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của hợp tác xã theo nghị quyết của Đại hội thành viên, trừ trường hợp Điều lệ quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

Bước 2, Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoàn thành các công việc sau đây:

(i) Gửi nghị quyết giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan thuế, người lao động trong hợp tác xã;

(ii) Niêm yết công khai nghị quyết giải thể tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã;

(iii) Trường hợp còn nghĩa vụ tài chính chưa giải quyết thì phải gửi nghị quyết giải thể đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan.

Bước 3, Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký giải thể hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

HTX phải thực hiện xử lý tài sản của hợp tác xã thực hiện theo quy định.

Bước 4, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết giải thể.

Bước 5, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng giải thể của

hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc một trong hai trường hợp sau đây: (i) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký giải thể; (ii) Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể và ý kiến khác của hợp tác xã và ý kiến của bên có liên quan bằng văn bản.

2.1.4.2. Trình tự, thủ tục giải thể bắt buộc đối với hợp tác xã:

Căn cứ Điều 99 Luật Hợp tác xã 2023 thì thủ tục giải thể bắt buộc sẽ trải qua các bước sau đây:

Bước 1, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Bước 2, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định của Luật HTX. Khi gửi nghị quyết giải thể theo quy định Luật HTX phải gửi kèm theo bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Bước 3, Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông báo tình trạng đang làm thủ tục giải thể hợp tác xã theo quy định mà không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng giải thể của hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

2.1.5. Quy định về cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc giải thể hợp tác xã

Theo Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về HTX thì Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền giải quyết việc giải thể HTX (là cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã).

2.1.6. Quy định về xử lý tài sản khi hợp tác xã giải thể

a) Hợp tác xã rà soát, thống kê toàn bộ vốn, quỹ, tài sản của hợp tác xã, gồm: toàn bộ quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã theo nguồn hình thành; các vốn, quỹ, tài sản khác của hợp tác xã.

b) Đại hội thành viên thông qua việc rà soát và xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia và được ghi vào nghị quyết giải thể hợp tác xã với một số nội dung chủ yếu sau: *Quỹ chung không chia; tên, loại tài sản chung không chia; Năm hình thành; Giá trị quỹ chung không chia, giá trị tài sản chung không chia lúc hình thành theo nguồn hình thành và tỷ lệ đóng góp theo nguồn hình thành; Giá trị còn lại của tài sản chung không chia theo nguồn hình thành (giá trị còn lại sau khi tính khấu hao, định giá tài sản theo quy định tại Luật Hợp tác xã); Thời hạn và thủ tục bàn giao quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hình thành từ hỗ trợ của Nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Đề nghị được hưởng quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng, thanh lý đối với tài sản chung không chia.*

c) Hợp tác xã khi giải thể phải thực hiện thu hồi, xử lý quỹ chung không chia và tài sản chung không chia; thu hồi các tài sản khác; chuyển nhượng, thanh lý tài sản.

d) *Quỹ chung không chia của hợp tác xã khi giải thể được xử lý theo các nguyên tắc sau đây:*

- Phần quỹ chung không chia hình thành từ tiền chuyển nhượng, thanh lý tài sản chung không chia do Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ được chuyển vào ngân sách nhà nước;

- Phần quỹ chung không chia được thực hiện theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp và hợp tác xã.

- Quy định xử lý phần quỹ chung không chia.

đ) Tài sản chung không chia của hợp tác xã khi giải thể được xử lý theo các nguyên tắc sau đây:

- Tài sản chung không chia được giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo nguồn hình thành theo quy định của pháp luật;

- Đối với tài sản chung không chia quy định do Nhà nước hỗ trợ toàn bộ: hợp tác xã bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đối với tài sản chung không chia do Nhà nước hỗ trợ một phần, hợp tác xã thực hiện công tác định giá theo quy định và bàn giao theo quy định cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã để thực hiện chuyển nhượng, thanh lý theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

- Đối với tài sản chung không chia là tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật có nguồn hình thành một phần từ hỗ trợ của Nhà nước được xây dựng trên đất mà quyền sử dụng đất là của hợp tác xã và hợp tác xã dùng quyền sử dụng đất này làm vốn đối ứng để đầu tư tài sản chung không chia là tài sản gắn liền với đất này, khi giải thể, phá sản hợp tác xã thực hiện công tác định giá theo quy định và bàn giao tài sản chung không chia gắn liền với đất này cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định.

- Tài sản chung không chia được thực hiện theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tặng cho, tài trợ hợp pháp và hợp tác xã.

e) Việc phân chia tài sản còn lại khi giải thể thực hiện theo thứ tự ưu

tiên sau đây: Thanh toán chi phí giải thể bao gồm cả khoản chi cho việc thu hồi, định giá và thanh lý tài sản; Thanh toán nợ lương, trợ cấp thôi việc, đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; nợ thuế; khoản nợ khác.

Sau khi phân chia tài sản theo quy định phân còn lại được chia cho thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo tỷ lệ phần vốn góp.

2.1.7. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Thứ nhất: Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã là giả mạo;

Thứ hai: Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;

Thứ ba: Sau 12 tháng mà hợp tác xã không gửi báo cáo về việc tuân thủ theo quy định của Luật này theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh;

Thứ tư: Không đáp ứng điều kiện số lượng thành viên tối thiểu của hợp tác xã trong 12 tháng liên tục; không đáp ứng điều kiện số lượng thành viên tối đa là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật này trong 06 tháng liên tục;

Thứ năm: Không đáp ứng điều kiện vốn góp tối đa của thành viên hợp tác xã theo quy định của Luật này trong 12 tháng liên tục;

Thứ sáu: Không tổ chức Đại hội thành viên thường niên trong 18 tháng liên tục kể từ thời điểm tổ chức Đại hội thành viên gần nhất, trừ trường hợp bất khả kháng;

Thứ bảy: Theo quyết định của Tòa án hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

Việc HTX bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sẽ dẫn đến việc hợp tác xã bị chấm dứt hoạt động.

2.1.8. Quy định về cập nhật thông tin trên hệ thống đăng ký kinh doanh

a) Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi thông tin về đăng ký tổ hợp tác do cơ quan đăng ký kinh

doanh cấp.

b) Mã số của hợp tác xã: Mã số hợp tác xã được tạo bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, cấp cho hợp tác xã khi thành lập.

Mỗi hợp tác xã có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho tổ chức khác. Mã số hợp tác xã được dùng để thực hiện nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.

c) Công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã:

Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Nội dung công bố bao gồm: Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Ngành, nghề kinh doanh.

Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, những nội dung thay đổi phải được công bố trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Nội dung đăng ký, nội dung thay đổi phải được công bố trong 30 ngày liên tục kể từ ngày hồ sơ được chấp thuận.

2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam

2.2.1. Những kết quả đạt được

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hợp tác xã được hình thành và phát triển ở nhiều vùng tự do và căn cứ địa cách mạng với các hình thức hợp tác giản đơn như tổ vắn công, tổ đổi công. Ngày 08 tháng 3 năm 1948, tại Chiến khu Việt Bắc, Hợp tác xã thủy tinh Dân Chủ được thành lập, mở đầu cho sự ra đời và phát triển của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam. Sự phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã cùng với kết quả của cải cách ruộng đất đã góp phần giải phóng nông dân thoát khỏi sự ràng buộc của phương thức sản xuất phong kiến, đưa nông dân lên vị trí người làm chủ, có những đóng góp tích cực trong việc đảm bảo hậu cần cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, động viên sức người, sức của cho tiền tuyến.

Từ khi ra đời, Nhà nước ta đã quan tâm đến việc phát triển HTX. Trong những năm 1946 - 1955, tổ chức nòng cốt của KTTT là các HTX bắt đầu được thành lập. Năm 1948, HTX Thủy tinh Dân chủ ra đời, đây được coi là HTX đầu tiên được thành lập tại chiến khu Việt Bắc, mở đầu cho sự ra

đòi và phát triển của phong trào HTX ở Việt Nam. Sau khi miền Bắc được giải phóng, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo xây dựng, phát triển HTX trong các ngành kinh tế. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II (tháng 08/1955) đã xác định chủ trương xây dựng thí điểm một số HTX nông nghiệp (năm 1955 cả nước có 45 HTX). Sau giai đoạn thí điểm, trong 3 năm (từ năm 1958 đến năm 1960) miền Bắc đã có hơn 50.000 HTX được thành lập. Trong đó có 41.000 HTX nông nghiệp, với 2,4 triệu hộ nông dân tham gia, bằng 84,8% số hộ và 76% diện tích ruộng đất nông nghiệp.

Đến năm 1960, về cơ bản miền Bắc đã hoàn thành việc hợp tác hóa bậc thấp trong nông nghiệp. Trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp có 2.760 HTX. Ngoài ra, có hơn 250 HTX mua bán ở cấp huyện với 4.320 cửa hàng hợp tác mua bán được tổ chức. Trong lĩnh vực tín dụng thành lập được 5.294 HTX với 2 triệu xã viên tham gia. Tại các vùng biển có hơn 520 HTX ngư nghiệp. Như vậy, đây là giai đoạn mà HTX với tư cách là nòng cốt của KTTT đã phát triển thành một phong trào mạnh mẽ, thu hút được đại bộ phận hộ nông dân, hộ kinh tế cá thể và người lao động tham gia. Sự ra đời của HTX đã hình thành quan hệ sản xuất mới, khai thác và sử dụng có hiệu quả hơn tư liệu sản xuất, đất đai và sức lao động, góp phần to lớn vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế.

- Trong 5 năm sau đó (1961 - 1965), phát huy những thành quả đã đạt được, HTX tiếp tục phát triển; phong trào HTX đã thể hiện vai trò quan trọng về mặt xã hội, như giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động, hỗ trợ các hộ xã viên phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Không những vậy, các HTX còn chú trọng giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao giác ngộ chính trị cho đông đảo quần chúng lao động, góp phần xây dựng lối sống mới ở nông thôn.

Đến cuối năm 1974, toàn miền Bắc có hơn 46.000 HTX trong các ngành, lĩnh vực, trong đó hầu hết các HTX nông nghiệp được tổ chức lại theo quy mô toàn xã, thu hút 96% số hộ nông dân tham gia. Năm 1975, với chiến thắng lịch sử ngày 30/4, miền Nam hoàn toàn được giải phóng, cả nước thống nhất, cùng nhau thực hiện mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, các HTX phát triển mạnh mẽ ở các tỉnh, thành phố phía Nam.

Năm 1986 được coi là giai đoạn phát triển cao nhất của phong trào HTX ở Việt Nam, cả nước có khoảng 76.000 HTX trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, thu hút hơn 20 triệu xã viên tham gia.

Thời kỳ từ năm 1955 đến năm 1986 sự phát triển của các HTX ở nước ta mang nặng tính áp đặt, các nguyên tắc cơ bản của HTX như tự nguyện, tự chủ, công bằng và minh bạch chưa được thực hiện đầy đủ. Điều này đã tạo ra một hệ thống HTX lớn về mặt số lượng và quy mô, nhưng không phát triển bền vững và không phản ánh được bản chất của HTX.

- Sau năm 1987, thực hiện đường lối đổi mới được đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, HTX đã có những biến đổi quan trọng. Tuy nhiên trên thực tế giai đoạn 1986 đến 1996 là khó khăn nhất của các HTX ở nước ta (*năm 1986 số HTX là 76.000, đến năm 1996 số lượng HTX chỉ còn 18.607*). Khi cơ chế quản lý tập trung bao cấp từng bước được xóa bỏ, cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước được hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế, phần lớn các HTX trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, lúng túng, nhiều HTX SXKD thua lỗ bị tan rã, giải thể.

Trước thực trạng đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 05/4/1988 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là Khoán 10). Nghị quyết đã xác định HTX nông nghiệp là đơn vị chủ quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ nhận khoán với HTX. Cơ chế khoán đã đem lại sự chuyển biến rõ rệt trong sản xuất nông nghiệp.

- Sự suy thoái của các HTX trong giai đoạn 1987- 1996 phản ánh sự lỗi thời của hệ thống HTX hoạt động không dựa trên các nguyên tắc cơ bản của HTX được thành lập trước 1986 không theo kịp điều kiện kinh tế thị trường. Ngoài ra, sự suy thoái của HTX trong giai đoạn này cũng cho thấy rằng để tồn tại và phát triển bền vững các HTX cần được thành lập trên cơ sở các nhu cầu chung của thành viên hơn là sự áp đặt của các cơ quan quản lý.

Sự phát triển của HTX vẫn gặp khó khăn ở tất cả các lĩnh vực, kể cả lĩnh vực truyền thống là lĩnh vực nông nghiệp. Thực tế, đến năm 2003 (*tức là sau 17 năm kể từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới vào năm 1986*) cả nước chỉ còn 14.000 HTX, bằng 75% số lượng HTX năm 1996.

Sự giảm sút về số lượng HTX trong giai đoạn 1997-2003 phản ánh quá trình chọn lọc của thị trường; trước bối cảnh đó, Luật Hợp tác xã năm 2003 đã ra đời. Tuy nhiên, các quy định của Luật cũng chưa mang lại thay đổi đáng kể cho sự phát triển của HTX, số lượng HTX có tăng so với năm 2003, quá trình thực thi Luật HTX (2003) theo hướng thực hiện đầy đủ hơn các nguyên tắc cơ bản của HTX. Theo Liên minh HTX, trong số 14.000 HTX năm 2003 có khoảng 5.800 HTX thành lập mới; khoảng 8.400 HTX được chuyển đổi từ mô hình cũ sang mô hình mới. Cũng trong giai đoạn này, có đến hơn 10.000 HTX bị giải thể. Trong hai năm 2001-2002 đã có 2.271 HTX bị giải thể.

- Ngay từ Luật Hợp tác xã 1996 đã quy định về giải thể hợp tác xã (*Giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc*) và quy định đến thẩm quyền quyết định vấn đề giải thể hợp tác xã; xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã khi giải thể, trên cơ sở đó đã triển khai thực hiện và quản lý theo Luật.

- Luật Hợp tác xã 2003 đã quy định chi tiết hơn về giải thể hợp tác xã (*giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc*) và quy định Điều lệ của hợp tác xã quy định về thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý phần tài sản chung, vốn tích lũy của hợp tác xã khi hợp tác xã khi hợp tác xã giải thể; Đại hội xã viên thảo luận và quyết định vấn đề giải thể hợp tác xã; Đại hội xã viên biểu quyết giải thể hợp tác xã được thông qua khi có ít nhất ba phần tư tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành; quy định về xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã khi giải thể; Ủy ban nhân dân ra quyết định giải thể (giải thể bắt buộc) lập Hội đồng giải thể và chỉ định Chủ tịch Hội đồng để tổ chức việc giải thể hợp tác xã. Giai đoạn này đã quy định rõ hơn Luật năm 1996 và có sự quan tâm đến phát triển hợp tác xã đã có những bước tiến triển tốt hơn.

- Đến Luật Hợp tác xã 2012 đã tiếp tục quy định chi tiết hơn về giải thể hợp tác xã (*giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc*) và quy định Đại hội thành viên quyết định vấn đề về giải thể hợp tác xã; Đại hội thành viên thông qua việc giải thể hợp tác xã khi có ít nhất 75% tổng số đại biểu có mặt biểu quyết tán thành; xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã khi giải thể; Ủy ban nhân dân ra quyết định giải thể (giải thể bắt buộc) lập Hội đồng giải thể và

chỉ định Chủ tịch Hội đồng để tổ chức việc giải thể hợp tác xã; bổ sung quy định về trường hợp Hợp tác xã xã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký khi hợp tác xã bị giải thể. Luật Hợp tác xã 2012 đã có nhiều điểm tiến bộ hơn, đã có sự quản lý bài bản và chặt chẽ hơn, sự vào cuộc của các cơ quan chức năng được đánh giá cao hơn; có nhiều chỉ đạo từ các cơ quan có liên quan.

Sau khi Luật HTX năm 2012 được ban hành và có hiệu lực, hầu hết các HTX phải sắp xếp lại, đăng ký theo Luật hoặc chuyển đổi sang hình thức khác phù hợp hơn. Các HTX giải thể đa số là các HTX kiểu cũ, đông thành viên, trong khi các HTX mới thành lập quy mô nhỏ, số thành viên ít. Do đó, số lượng thành viên HTX giảm mạnh 1,4 triệu thành viên (tương đương 18%) giai đoạn năm 2013-2016 và tốc độ thành viên giảm chậm lại, đi vào ổn định khoảng 5,9 - 6,1 triệu thành viên giai đoạn 2017-2020. Số lượng thành viên mới (trung bình khoảng 94,800 thành viên mới/năm). Riêng năm 2021 giảm 468 nghìn thành viên so với năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Giai đoạn 2013-2021, số lượng thành viên HTX giảm dần qua các năm. Năm 2021, HTX thu hút 5,7 triệu thành viên, giảm gần 2,3 triệu thành viên (tương đương 28%) so với năm 2013 (8 triệu thành viên). Trung bình tỷ lệ số thành viên trên một HTX là 208 thành viên/HTX, tỷ lệ thành viên HTX trên dân số nước ta hiện nay khoảng 5,7% thấp hơn trung bình của thế giới gần 15%.

Năm 2022, sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phục hồi và phát triển, đạt mục tiêu đề ra, số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới tăng, vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể: Thành lập mới 2.600 hợp tác xã; tổng số vốn điều lệ đạt 54,2 nghìn tỷ đồng, bình quân 1,86 tỷ đồng/hợp tác xã, tổng giá trị tài sản đạt 187,3 nghìn tỷ đồng, bình quân 6,5 tỷ đồng/hợp tác xã, tăng 6,2% so với năm 2021; thành lập mới 17 liên hiệp hợp tác xã (*tăng 6 liên hiệp hợp tác xã (6,0%) so với năm 2021*); thu hút 750 thành viên (*bình quân 6 hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã*), tạo việc làm cho 39.750 lao động (*bình quân 318 lao động/liên hiệp hợp tác xã*); doanh thu bình quân của 01 liên hiệp hợp tác xã là 258 tỷ đồng/năm, lãi bình quân 8,9 tỷ đồng/năm; thành lập mới 3.531

tổ hợp tác; thu hút 1,8 triệu thành viên là hộ gia đình (*bình quân 15 thành viên/tổ hợp tác*); doanh thu bình quân 295 triệu đồng/năm/hợp tác xã.

Tính đến 31/12/2022, cả nước có 29.378 hợp tác xã, 125 liên hiệp hợp tác xã, 123.241 tổ hợp tác; các hợp tác xã thu hút 5,935 triệu thành viên, chủ yếu là hộ gia đình ở địa bàn nông thôn và 2,58 triệu lao động. Nhiều mô hình hợp tác xã phục hồi nhờ mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất và quản trị truyền thống; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất; nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh; phát triển mở rộng gắn với quy hoạch vùng sản xuất, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thành viên; đẩy mạnh liên kết phát triển mạnh trong cung ứng nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra; liên kết giữa các thành viên và các hợp tác xã, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế.

Hiện cả nước có 11.423 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả (chiếm 56%); gần 3.000 hợp tác xã sản xuất gắn với chuỗi giá trị như lúa gạo, rau quả, da giày, mây tre đan.... ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, nông nghiệp thông minh, công nghệ sản xuất sạch. Hơn 60% tổng số hợp tác xã nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sản lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng tiêu thụ qua hệ thống siêu thị, sàn giao dịch điện tử; 1.145 hợp tác xã có sản phẩm OCOP, trong đó có 867 hợp tác xã nông nghiệp (*chiếm 4,9% tổng số hợp tác xã nông nghiệp*) với 1.248 sản phẩm².

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp thu hút số lượng khá lớn hộ cá thể tham gia thành viên; phần lớn các hợp tác xã thành lập theo luật hợp tác xã năm 2012. Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy mô vừa và lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm OCOP, tham gia xuất khẩu hàng hoá ngày càng tăng. Phần lớn hợp tác xã hoạt động kinh doanh hiệu quả, đạt tỷ lệ 55-80%, cao hơn hợp tác xã nông nghiệp, doanh thu và lãi bình quân của 01 hợp tác xã bình quân 08 tỷ đồng/ hợp tác xã và lợi nhuận bình quân 412 triệu đồng/hợp tác xã.

- Đến Luật Hợp tác xã 2023 đã tiếp tục kế thừa Luật Hợp tác xã năm

² Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2012 và rút kinh nghiệm trong việc triển khai, nên đã quy định chi tiết hơn về giải thể hợp tác xã (*giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc*) và quy định về chấm dứt tư cách thành viên chính thức khi hợp tác xã bị giải thể; việc xử lý tài sản của hợp tác xã; Các hành vi bị cấm khi giải thể hợp tác xã; quy định cụ thể trình tự giải thể hợp tác xã; không quy định về việc phải thành lập hội đồng giải thể HTX khi giải thể bắt buộc; quy định Đại hội thành viên thông qua việc giải thể hợp tác xã khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết; Hợp tác xã thực hiện thủ tục giải thể theo một trong hai trường hợp (*Giải thể tự nguyện theo nghị quyết Đại hội thành viên; Giải thể bắt buộc theo quyết định của Tòa án hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp luật khác có quy định khác*).

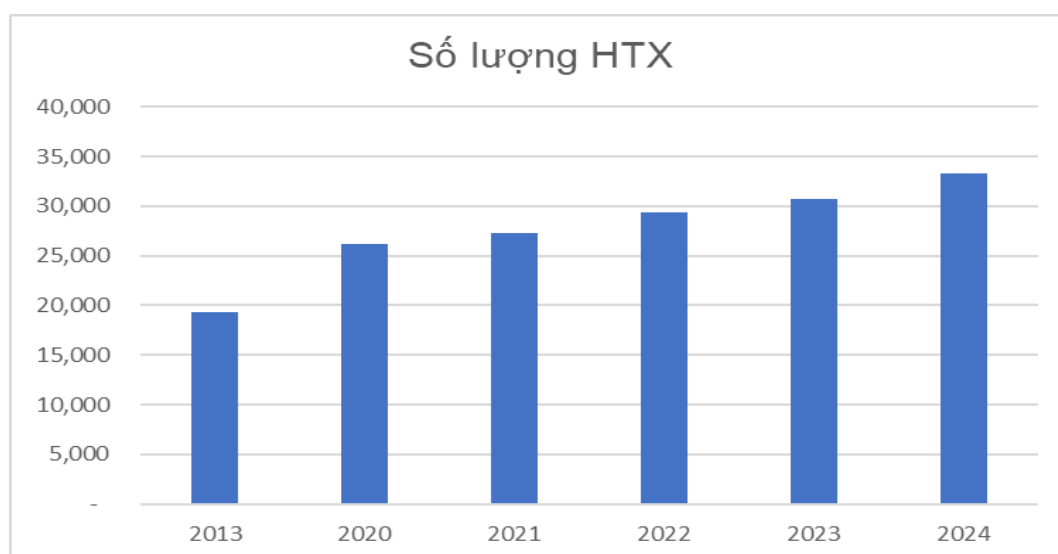
Hợp tác xã chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người giữ chức danh có liên quan trong hợp tác xã cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của hợp tác xã; phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về giải thể. Tuy nhiên, không có quy định xử lý vi phạm hành chính nếu không thực hiện giải thể theo đúng quy định.

Luật Hợp tác xã 2023 là lần thứ 4 được ban hành, đã có sự đánh giá, rà soát rất kỹ trong quá trình xây dựng, có những điểm mới hơn so với hệ thống pháp luật trước đây (*rõ trình tự, thủ tục, thẩm quyền; đưa ra các quy định cấm khi giải thể; quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể; quy định rõ nét hơn về công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với hợp tác xã;...*). Qua đánh giá ban đầu, Luật Hợp tác xã 2023 có tính khả thi hơn cả và sẽ là hệ thống pháp luật hoàn chỉnh hơn, góp phần định hướng quản lý hiệu quả, hạn chế tối đa những vấn đề liên quan đến giải thể hợp tác xã. Tuy nhiên, những hợp tác xã trước đây chưa giải thể được thì vẫn là vấn đề rất lớn, vì pháp luật không hồi tố, cần có chính sách, quy định đủ mạnh để xử lý vấn đề của quá khứ. Theo thống kê sơ bộ cả nước có khoảng 3.226 HTX đang tạm ngừng hoạt động, chờ giải thể.

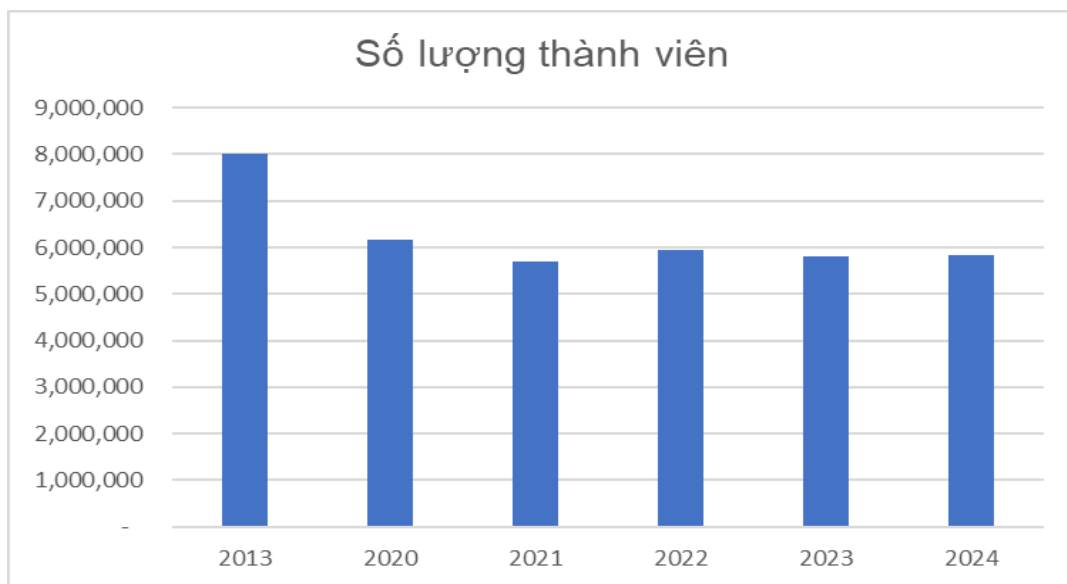
Bảng 2.1. Tổng hợp thông tin liên quan đến Hợp tác xã

Nội dung	2013	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng số lượng HTX	19.357	26.112	27.342	29.378	30.698	33.335
Số HTX thành lập mới	1.029	2.175	2.476	2600	2986	3.000
Tổng số thành viên	8.000.000	6.160.459	5.692.000	5.935.000	5.813.612	5.831.361
Số lượng HTX ngừng hoạt động cần giải thể	-	756	1.246	564	1.725	984
Doanh thu bình quân (tỷ đồng/HTX)	-	4,39	2,657	3,592	3,536	3,551
Lãi bình quân (triệu/HTX)	166	314	214	366	324	352
Tổng số cán bộ quản lý HTX	79.659	107.506	109.307	140.000	125.988	127.400

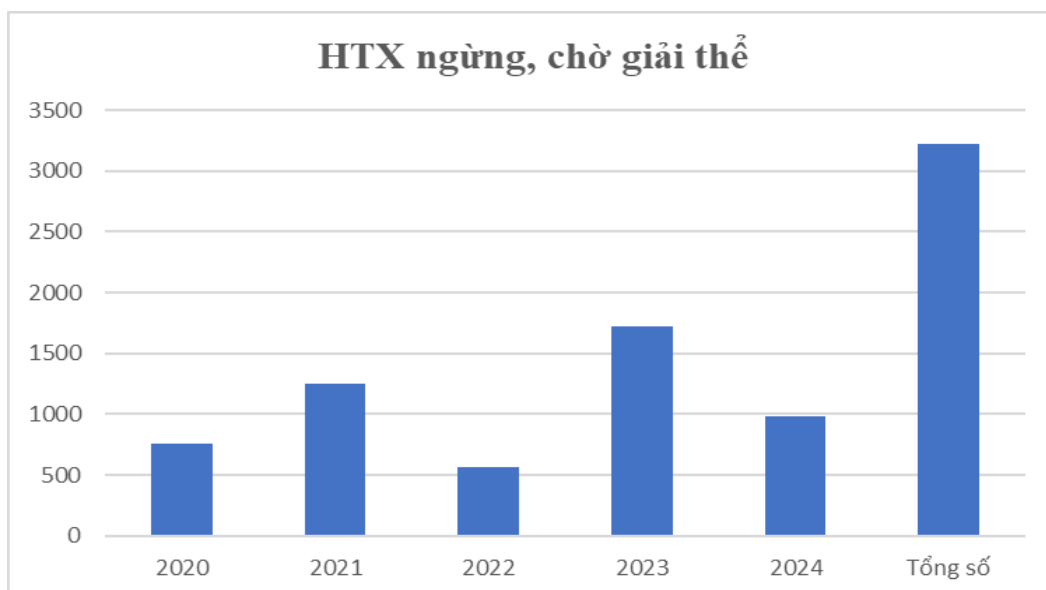
Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024.

Biểu đồ 2.1. Số lượng Hợp tác xã

Biểu đồ 2.2. Số lượng thành viên Hợp tác xã



Biểu đồ 2.3. Số lượng HTX ngừng hoạt động, cần giải thể



Nhận xét:

- Pháp luật về giải thể hợp tác xã đã được quy định ngay từ Luật Hợp tác xã 1996, 2003, 2012, 2023 đã từng bước quy định về khía cụ thể về giải thể hợp tác xã (*giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc*) và quy định đến thẩm quyền quyết định vấn đề giải thể hợp tác xã; xử lý tài sản và vốn của hợp tác

xã khi giải thể, trên cơ sở đó đã triển khai thực hiện và quản lý theo hệ thống được xác định từ khi luật quy định.

Ngoài việc áp dụng các quy định tại pháp luật về hợp tác xã có liên quan đến giải thể hợp tác xã còn phải áp dụng các quy định của pháp luật dân sự (*liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân*) và các pháp luật có liên quan.

- Ngay từ Luật Hợp tác xã năm 1996 đã quy định khá rõ về giải thể hợp tác xã. Trong đó đã quy định cụ thể về các trường hợp giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc. Trong quá trình triển khai, áp dụng pháp luật về hợp tác xã càng được hoàn thiện, quy định rõ ràng và minh bạch hơn so với trước. Pháp luật về hợp tác xã ngày càng có khả thi trong quản lý hợp tác xã. Quy định khá rõ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện giải thể hợp tác xã và quy định rõ về xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã khi giải thể.

Đến Luật Hợp tác xã 2023 đã quy định cụ thể về các hành vi cấm khi giải thể hợp tác xã, đó là điểm mới so với các quy định trước đây. Nhằm xử lý những bất cập, vướng mắc của pháp luật về hợp tác xã trước đây.

Bên cạnh đó cũng đã quy định rõ về “*Hợp tác xã khi giải thể thực hiện thu hồi, xử lý quỹ chung không chia và tài sản chung không chia; thu hồi các tài sản khác; chuyển nhượng, thanh lý tài sản*”.

Đã cụ thể hoá quyền và trách nhiệm của các chủ thể (HTX, thành viên HTX, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát,...) nhằm quản lý hợp tác xã một cách hiệu quả hơn. Đã có hệ thống pháp luật điều chỉnh HTX khá hoàn chỉnh và tiến bộ. Tuy nhiên, hợp tác xã là mô hình sản xuất, kinh doanh khá đặc thù nên thực tiễn vẫn có nhiều phát sinh, vướng mắc trong quá trình hoạt động, đòi hỏi cần có những chính sách, nghiên cứu thấu đáo để xử lý nhằm thúc đẩy phát triển.

Từ năm 1997 trở lại đây, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã đã có những chuyển biến quan trọng. Đặc biệt, kể từ khi Luật Hợp tác xã đầu tiên được ban hành (*tháng 3/1996*) và chính thức có hiệu lực từ 01/01/1997 và tiếp đó là Luật Hợp tác xã 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012, Luật Hợp tác xã năm 2023 đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho khu vực hợp tác xã phát triển. Các HTX đã có sự

chuyển biến về chất lượng, hiệu quả, chứng tỏ ngày càng rõ nét hơn vai trò quan trọng và có ý nghĩa toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, bước đầu đã có những tín hiệu mới trong công cuộc phát triển phong trào HTX. Trên cơ sở đó, nhận thấy pháp luật về HTX có một số ưu điểm sau:

(i) Nhận thức về bản chất HTX đã được khẳng định và thống nhất trong toàn xã hội, đã dần phân biệt được giữa HTX với doanh nghiệp, với tổ chức xã hội và với HTX kiểu cũ và các cấp đã quan tâm đến HTX thể hiện thông qua việc Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW tiếp tục khẳng định quan điểm của Đảng về KTTT: *“Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”*. Ưu thế và vai trò của HTX đối với phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế địa phương nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung dần được khẳng định. Việc giải thể hợp tác xã hoạt động yếu kém, làm ăn thua lỗ, dừng hoạt động là cách thức, động lực thúc đẩy sự phát triển của KTTT, hợp tác xã và nền kinh tế chung của đất nước.

(ii) Quy định rất cụ thể các trường hợp giải thể hợp tác xã và các quy định về điều kiện giải thể, trình tự, thủ tục giải thể hợp tác xã, quy định về xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của nước ta.

(iii) Quy định cụ thể các hành vi cấm trong quá trình giải thể HTX, quy định quyền, nghĩa vụ của các thành viên, HTX liên quan đến vấn đề giải thể HTX, bảo đảm quyền và lợi ích của các chủ thể có liên quan trong quá trình giải thể HTX, đặc biệt là quyền, lợi ích của người lao động.

(iv) Hệ thống pháp luật về HTX đã cơ bản phù hợp với xu hướng, định hướng trong tình hình thực tiễn, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Giai đoạn từ năm 2004 đến nay đã đánh dấu sự phục hồi của kinh tế HTX cả về chất và lượng. Số lượng HTX đã tăng từ 14.207 (năm 2003) lên 18.244 (năm 2010) và đạt 33.335 HTX năm 2024. Sự tăng lên về mặt số lượng HTX ở giai đoạn này là kết quả của việc chuyển đổi mô hình của các HTX đã thành lập trước đây. Kết quả của sự phục hồi này phần nào phản ánh những tác động tích cực của Luật HTX qua các thời kỳ đối với khu vực

kinh tế hợp tác và HTX.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc

2.2.2.1. Những hạn chế, vướng mắc trong thể chế hiện nay:

Một là, các quy định pháp luật giải thể hợp tác xã chỉ có tính thời điểm áp dụng cho hiện tại, chưa thể xử lý hồi tố đối với các HTX thành lập, hoạt động và đã ngừng hoạt động trước đây, dẫn đến chưa thể thực hiện thủ tục giải thể cho các HTX đã ngừng hoạt động trước thời điểm Luật HTX 2023 có hiệu lực thi hành.

Hai là, pháp luật hiện hành còn thiếu một số quy định, quy định chi tiết của Chính phủ về hướng dẫn trình tự, thủ tục giải thể HTX:

- Điều 98 Luật Hợp tác xã 2023 quy định về giải thể tự nguyện đối với hợp tác xã, tại khoản 8 có giao “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*”. Tuy nhiên, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX cũng chưa quy định chi tiết nội dung được giao.

- Điều 99 Luật Hợp tác xã 2023 quy định về giải thể bắt buộc đối với hợp tác xã, tại khoản 4 có giao “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*”. Tuy nhiên, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX cũng chưa quy định chi tiết nội dung được giao.

- Điều 101 Luật Hợp tác xã 2023 quy định xử lý tài sản khi hợp tác xã giải thể, tại khoản 6 có giao “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*”. Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX đã quy định chi tiết một số nội dung. Tuy nhiên, cũng chưa quy định đầy đủ nội dung giao quy định chi tiết tại Điều này.

Ba là, Pháp luật về HTX có liên quan trong hệ thống pháp luật khác (dân sự, đất đai, xây dựng, môi trường, tín dụng...), dẫn đến phải áp dụng nhiều văn bản nên cũng có khó khăn.

Bốn là, Thủ tục giải thể phải trải qua nhiều khâu và được coi là một thủ tục hành chính nên phần nào cũng có những vướng mắc (chưa đơn giản hoá, chưa ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số,...).

Năm là, Chưa có quy định chế tài xử lý đối với trường hợp không thực hiện thủ tục giải thể, chưa có quy định về chuyển đổi loại hình HTX sang loại hình doanh nghiệp.

Sáu là, Các chính sách hỗ trợ trong các văn bản mới chỉ ở tầm quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nên khi áp dụng vẫn mâu thuẫn với hệ thống pháp luật cao hơn (Luật, Nghị định,...) nên chính sách khó đi vào thực tiễn.

2.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc:

- Hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực HTX khá nhiều, có sự liên quan chặt chẽ đến nhau, đòi hỏi phải xử lý các mối quan hệ bảo đảm không vướng mắc, mâu thuẫn, chồng chéo.

- Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành một văn bản qua rất nhiều khâu, dẫn đến khi ban hành thì đã có sự lỗi thời, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực HTX chưa được chú trọng, nên chưa thể phải hồi sau thanh tra, kiểm tra để xử lý các vấn đề bất cập của văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại địa phương không có cơ quan chuyên môn độc lập thực hiện chức năng quản lý nhà nước lĩnh vực HTX, dẫn đến công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thanh tra, kiểm tra không được thường xuyên, pháp luật chậm đi vào cuộc sống.

- Có sự hạn chế về nhân lực, kinh phí trong công tác tổ chức, triển khai thi hành pháp luật về HTX.

2.2.2.3. Những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn tại Việt Nam hiện nay:

a) Tình hình chung:

Năm 1955 cả nước có 45 HTX, đến năm 1960 miền Bắc đã có hơn 50.000 HTX được thành lập. Năm 1986 được coi là giai đoạn phát triển cao nhất của phong trào HTX ở Việt Nam, cả nước có khoảng 76.000 HTX. Trong giai đoạn 1986 đến 1996 là khó khăn nhất của các HTX ở nước ta (năm 1986 số HTX là 76.000, đến năm 1996 số lượng HTX chỉ còn 18.607). Đến năm 2003 cả nước chỉ còn khoảng 14.000 HTX; đến năm 2010, số lượng HTX là 18.244, năm 2022 có 29.378 HTX, đến năm 2024 cả nước có

33.335 HTX.

Từ năm 1986, Việt Nam chuyển dần từng bước từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, coi trọng khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, coi kinh tế hộ là chủ thể kinh tế tự chủ. Sự chuyển đổi cơ chế kinh tế đã làm giảm dần vai trò và lợi thế của HTX cũng như làm bộc lộ sự yếu kém của HTX.

Nhận thấy, sự suy thoái của các HTX trong giai đoạn 1987- 2003 dẫn đến việc giải thể số lượng lớn HTX, đã phản ánh sự lỗi thời của hệ thống HTX hoạt động không phù hợp với nguyên tắc cơ bản của HTX (*nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, dân chủ*) và sự suy thoái của hệ thống HTX trong thời kỳ này cũng phản ánh rằng, để tồn tại và phát triển bền vững, các HTX cần được thành lập trên cơ sở các nhu cầu chung của xã viên hơn là sự áp đặt của các cơ quan chính quyền.

Mặt khác, sự tác động của pháp luật đến sự phát triển của HTX và tác động của chính sách phát triển HTX cùng với sự phát triển của HTX gặp phải sự chọn lọc của thị trường và sự cạnh tranh của các hình thức tổ chức kinh tế tư nhân. Kết quả là hàng loạt HTX bị giải thể, chỉ có những HTX hoạt động đúng với bản chất của nó, có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường là có thể tồn tại và phát triển được.

Giai đoạn 2004 đến nay đánh dấu sự phục hồi của kinh tế HTX cả về chất và lượng. Sự ra đời của các HTX mới phản ánh đây là một hình thức tổ chức kinh tế có thể tồn tại và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường; các hình thức liên kết giữa các HTX cũng phát triển mạnh trong giai đoạn từ 2004 đến nay.

Qua số liệu nêu trên đã minh chứng cho việc thành lập mới và giải thể hợp tác xã diễn ra thường xuyên và theo từng thời kỳ sẽ có sự biến động tăng giảm khác nhau vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Nhận thấy, vấn đề giải thể các HTX xảy ra thường xuyên và với số lượng đáng kể đòi hỏi phải có những chính sách, quy định nhằm khắc phục tình trạng giải thể hợp tác xã bảo đảm cho sự phát triển bền vững cả về chất và lượng của loại kinh tế này.

- Thời điểm Luật Hợp tác xã 1996: Việc áp dụng thực tế có nhiều

vướng mắc do mới có quy định quản lý hợp tác xã, chưa quy định rõ trình tự, thủ tục giải thể nên khá vướng mắc trong quá trình thực hiện. Mặt khác, công tác phổ biến, hướng dẫn chưa được quan tâm, pháp luật chưa đi vào cuộc sống, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát không được thực hiện, không có quy định về xử lý vi phạm hành chính, không thực hiện giải thể theo quy định cũng không bị xử lý và không có chủ thể chịu trách nhiệm. Bên cạnh đó giải đoạn này có nhiều hợp tác xã nhỏ lẻ và trình độ hiểu biết pháp luật thấp nên việc áp dụng pháp luật về giải thể còn nhiều hạn chế. Giai đoạn này có tác động rất lớn bởi sự thay đổi của nền kinh tế, sự vận động của cơ chế thị trường tác động đến khu vực HTX.

- Luật Hợp tác xã 2003: Có những vướng mắc khi triển khai, áp dụng trong thực tế và trong bối cảnh thay đổi về cơ chế quản lý trong hệ thống quản lý và công tác. Công tác phổ biến, hướng dẫn chưa được quan tâm đúng mức, pháp luật liên quan đến giải thể hợp tác xã vẫn có nơi chưa thực sự vào cuộc sống. Kinh phí và nhân lực dành cho công tác kiểm tra, thanh tra chưa được quan tâm, không quy định xử lý vi phạm hành chính nếu không thực hiện giải thể theo đúng quy định, không thực hiện giải thể theo quy định cũng không bị xử lý và không có chủ thể chịu trách nhiệm.

Nhiều hợp tác xã không thực hiện giải thể hoặc không giải thể được do nhiều nguyên nhân: Nợ thuế, nợ các tổ chức tín dụng, nợ các loại quỹ, các khoản hỗ trợ của nhà nước; vướng mắc về việc không có cơ quan, đơn vị nhận bàn giao HTX; Vướng mắc do mất, thất lạc con dấu, giấy đăng ký mẫu dấu hoặc giấy đăng ký kinh doanh của HTX; Vướng mắc do đang xảy ra tranh chấp khiếu kiện đối với HTX; Vướng mắc do không liên lạc được với người đại diện HTX, người đại diện chết, mất quyền công dân;....

- Luật Hợp tác xã 2012: Không có quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính nếu không thực hiện giải thể theo đúng quy định. Vẫn có nhiều hợp tác xã không thực hiện giải thể hoặc không giải thể được do nhiều nguyên nhân: Nợ thuế, nợ các tổ chức tín dụng, nợ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, nợ các khoản hỗ trợ của nhà nước phải hoàn trả; liên quan đến đất đai và tài sản gắn liền với đất (*trong đó vướng mắc nhiều nhất là không có đủ hồ sơ tài liệu liên quan xác định nguồn gốc để kiểm kê, định giá tài sản, tài sản không*

chia); vướng mắc về việc không có cơ quan, đơn vị nhận bàn giao HTX, không bố trí được ngân sách địa phương chi trả cho HTX....Hoặc liên quan đến quy định pháp luật về HTX và các nội dung khác có vướng mắc (*vướng mắc do không thành lập được hội đồng giải thể do thiếu đại diện HTX*); Vướng mắc do mất, thất lạc con dấu, giấy đăng ký mẫu dấu hoặc giấy đăng ký kinh doanh của HTX; Vướng mắc do đang xảy ra tranh chấp khiếu kiện đối với HTX; Vướng mắc do không đủ kinh phí triển khai thực hiện tổ chức giải thể; Vướng mắc do chưa đăng ký và tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012; Vướng mắc do không liên lạc được với người đại diện HTX, người đại diện chết, mất quyền công dân;....

Mặc dù, pháp luật về hợp tác xã càng ngày càng quy định cụ thể, điều chỉnh các mối quan hệ liên quan đến hợp tác xã. Tuy nhiên số lượng hợp tác xã ngưng hoạt động, cần giải thể rất nhiều; vì nhiều nguyên nhân dẫn đến khó giải thể, một số hợp tác xã không thể giải thể được. Do đó, đòi hỏi cần có những đánh giá, xác định rõ nguyên nhân từng nhóm vướng mắc từ đó đề xuất chính sách phù hợp để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn thúc đẩy tăng trưởng trong lĩnh vực hợp tác xã.

- Luật Hợp tác xã 2023: Không có quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính nếu không thực hiện giải thể theo đúng quy định. Do không thể quy định hồi tố đối với các HTX trước đây nên vẫn có nhiều hợp tác xã không thực hiện giải thể hoặc không giải thể được do lịch sử để lại.

b) Các vướng mắc trong thực tiễn:

- Theo thống kê sơ bộ có khoảng 3.226 hợp tác xã đang tạm ngừng hoạt động, chờ giải thể với tổng số 4.552 vướng mắc (*01 hợp tác xã đồng thời có nhiều vướng mắc*). Trong đó: các vướng mắc liên quan đến nợ có 897 (chiếm 19,7%); các vướng mắc liên quan đến đất đai có 321 vướng mắc (chiếm 7,05%) và các vướng mắc liên quan đến một số quy định pháp luật về HTX: 3.334 vướng mắc (chiếm 73,25%).

- Phân loại theo nhóm vấn đề cụ thể như sau:

(i) Liên quan đến nợ có 897 vướng mắc: gồm nợ thuế (743 vướng mắc, chiếm 82,83%), nợ các tổ chức tín dụng (63 vướng mắc, chiếm 7,02%), nợ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (24 vướng mắc, chiếm 2,67%), nợ các khoản

hỗ trợ của nhà nước phải hoàn trả (23 vướng mắc, chiếm 2,56%) và nợ khác (44 vướng mắc, chiếm 4,9%).

(ii) Liên quan đến đất đai và tài sản gắn liền với đất có 321 vướng mắc: trong đó vướng mắc nhiều nhất là không có đủ hồ sơ tài liệu liên quan xác định nguồn gốc để kiểm kê, định giá tài sản, tài sản không chia (189 vướng mắc, chiếm 58,87%); tiếp theo là vướng mắc về việc không có cơ quan, đơn vị nhận bàn giao HTX, không bố trí được ngân sách địa phương chi trả cho HTX (58 vướng mắc, chiếm 18,06%); vướng mắc về tài sản trên đất và quyền sử dụng đất từ nhiều nguồn sở hữu khác nhau gây khó khăn trong bàn giao, thanh lý tài sản (45 vướng mắc, chiếm 14,01%) và cuối cùng là khó khăn trong chuyển nhượng, thanh lý tài sản HTX (29 vướng mắc, chiếm 9,03%).

(iii) Vướng mắc do không thành lập được hội đồng giải thể do thiếu đại diện HTX: có 1.267 vướng mắc (Điều 54 Luật HTX năm 2012 quy định hội đồng giải thể phải có đại diện hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, thành viên, hợp tác xã thành viên).

(iv) Vướng mắc do mất, thất lạc con dấu, giấy đăng ký mẫu dấu hoặc giấy đăng ký kinh doanh của HTX có 420 vướng mắc (Điều 54 Luật HTX năm 2012 quy định "Ngay sau khi hoàn thành việc giải thể theo quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, hội đồng giải thể phải nộp 01 bộ hồ sơ về việc giải thể, con dấu và bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký").

(v) Vướng mắc do đang xảy ra tranh chấp khiếu kiện đối với HTX có 26 vướng mắc; vướng mắc do không đủ kinh phí triển khai thực hiện tổ chức giải thể: 431 vướng mắc; vướng mắc do chưa đăng ký và tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012: 63 vướng mắc; vướng mắc do không liên lạc được với người đại diện HTX, người đại diện chết, mất quyền công dân: 275 vướng mắc.

(vi) Vướng mắc do HTX tạm ngừng hoạt động chưa có kế hoạch giải thể, không hợp tác với chính quyền địa phương thực hiện giải thể: 380 vướng mắc; vướng mắc do không đăng ký MST: 171 vướng mắc; vướng mắc do HTX hoạt động không hiệu quả: 115 vướng mắc; vướng mắc do HTX đang củng cố để hoạt động lại hoặc chuyển đổi sang mô hình khác: 4 vướng mắc; vướng mắc khác: 175 vướng mắc.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Ở Chương 2, tác giả đã trình bày rất cụ thể về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay; từ đó đã đánh giá, phân tích, đưa ra nhận định cụ thể về thực trạng quy định của pháp luật về giải thể hợp tác xã; thực tiễn thực thi pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay; đã nêu và đánh giá về những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc; phân tích, đánh giá thực trạng giải thể HTX ở Việt Nam. Tác giả đã phân tích chi tiết và có số liệu chứng minh về quy định pháp luật ở các khía cạnh của pháp luật về giải thể HTX. Đây là thông tin có giá trị tham khảo hữu ích trong công tác quản lý và thực tiễn áp dụng.

Bên cạnh đó, tác giả còn chú trọng đến quá trình áp dụng thực tiễn tại Việt Nam. Đó là tiền đề quan trọng để tác giả có thể đưa ra những kiến nghị, giải pháp góp phần trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp tác xã nói chung và vấn đề giải thể HTX nói riêng tại Chương 3.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã phải đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước

Nước ta đang đứng trước một kỷ nguyên mới, “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”³, kinh tế tư nhân trở thành trụ cột quan trọng để phát triển kinh tế đất nước; do đó, việc hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã phù hợp với tình hình mới của đất nước được đặt ra hàng đầu. Các cấp, các ngành đang chỉ đạo tổng rà soát, sửa đổi, thảo gỡ điểm nghẽn thể chế để thúc đẩy tăng trưởng; vấn đề cấp thiết đặt ra là làm thế nào để đánh giá được các yêu cầu, tận dụng, tranh thủ các thời cơ trong tình hình mới để kinh tế tập thể, HTX trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Hệ thống pháp luật về hợp tác xã nói chung và pháp luật liên quan đến giải thể hợp tác xã nói riêng cũng cần được rà soát, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu và tình hình mới. Cần tiếp tục rà soát đơn giản hoá các thủ tục và cần hướng dẫn đầy đủ nội dung Luật giao để bảo đảm thực thi hiệu quả, thống nhất.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, liên kết thương mại đa tầng thông qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương ngày càng được các nước thúc đẩy mạnh mẽ, thu hút sự quan tâm và tham gia của nhiều quốc gia. Việt Nam cũng đã tham gia, ký kết hiệp định thương mại như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) hoặc các FTA song phương sẽ mở ra nhiều cơ hội mới cho HTX trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, diễn biến về vấn đề rào cản thương mại, cạnh tranh về kinh tế, chính sách ba vây, cấm vận, áp dụng chính sách thuế quan luôn bất định, đòi hỏi chúng ta cần đánh giá toàn diện và dự đoán được tương lai từ đó có những thể chế, chính sách phù hợp, bảo đảm linh hoạt, mạnh mẽ để tận dụng thời cơ thúc đẩy

³ Phát biểu của Tổng bí thư Tô Lâm.

kinh tế hợp tác phát triển và hội nhập. Do đó, hợp tác xã cũng cần thích ứng và bảo đảm sự phát triển phù hợp với yêu cầu của các hiệp định thương mại cũng như các quy định của các thị trường quốc tế nhằm tăng cường hội nhập và mở rộng thị trường để sản phẩm tạo ra đáp ứng được các yêu cầu của nhiều thị trường.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã phù hợp với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng

Nghị quyết số 20-NQ/TW tiếp tục khẳng định quan điểm của Đảng về KTTT: “*Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*”. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã phải theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước từ đó cần rà soát, xây dựng các quy định về giải thể hợp tác xã phải chặt chẽ nhưng cũng đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo để thích ứng với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Như vậy, pháp luật về giải thể hợp tác xã mới có tính khả thi cao, đảm bảo thực hiện được trên thực tế. Bên cạnh đó, cần có chính sách để giải thể các hợp tác xã đã ngừng hoạt động, chưa giải thể được nhằm mục tiêu khơi thông nguồn lực (tài sản, đất đai, vốn,...) nhằm thúc đẩy tăng trưởng.

Việc hoàn thiện pháp luật về giải thể nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của hợp tác xã để tăng cơ hội kinh doanh, các HTX không hiệu quả thì có thể giải thể để tiếp cận các cơ hội kinh doanh mới, giải phóng tài sản, đất đai để thực hiện thành lập HTX mới đáp ứng được mục tiêu, cơ hội mới hoặc tham gia các loại hình kinh doanh có hiệu quả khác.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã

Một là, rà soát, sửa đổi các quy định về giải thể hợp tác xã theo hướng linh hoạt phù hợp với tình hình kinh tế và có quy định xử lý hồi tố đối với các HTX đã ngừng hoạt động mà chưa giải thể được. Bởi lẽ, theo chủ trương của cấp có thẩm quyền thì sẽ còn chính quyền 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) và chủ trương phân cấp toàn diện và cắt giảm thủ tục, điều kiện thúc đẩy phát triển nên đòi hỏi việc rà soát, sửa đổi quy định liên quan đến hợp tác xã là cần thiết. Mặt khác, nhiều hợp tác xã đã ngừng hoạt động từ nhiều năm nay mà chưa

thể giải thể do có nhiều vướng mắc (*không có người đại diện, thất lạc hồ sơ, co dấu, nợ thuế, nợ tín dụng...*), luật hiện hành không cho quy định xử lý các vấn đề đã xảy ra trước đó (không hồi tố) do đó cần thiết phải rà soát, có chính sách đặc thù xử lý tình huống này (có thể ban hành Nghị quyết của Quốc hội để xử lý các vấn đề liên quan đến giải thể hợp tác xã)..

Hai là, rà soát, bổ sung nội dung hướng dẫn theo các điều khoản được Luật HTX giao liên quan đến quy định, trình tự, thủ tục giải thể HTX (một số nội dung Luật giao Chính phủ hướng dẫn nhưng hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện).

Ba là, đánh giá, rà soát pháp luật về HTX và pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật khác (dân sự, đất đai, xây dựng, môi trường, tín dụng...), để xử lý các vướng mắc trong thực tiễn áp dụng về trình tự, thủ tục, các điều kiện, chính sách ưu đãi,.....từ đó tạo môi trường thuận lợi cho HTX phát triển.

Bốn là, đơn giản hoá thủ tục giải thể HTX, cắt giảm các hồ sơ, các khâu không thực sự cần thiết tạo thông thoáng và khả thi trong thực tiễn áp dụng để thuận tiện và minh bạch hơn trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể của HTX.

Năm là, nghiên cứu bổ sung quy định chế tài xử lý đối với trường hợp không thực hiện thủ tục giải thể (do hiện nay chưa có chế tài xử lý đối với việc không thực hiện giải thể HTX); bổ sung quy định về chuyển đổi loại hình HTX sang loại hình doanh nghiệp để các hợp tác xã khi đã phát triển hoặc có nhu cầu hoạt động theo mô hình doanh nghiệp có cơ sở chuyển sang bảo đảm phù hợp với các quy định và mục tiêu phát triển, sản xuất, kinh doanh của cơ sở mình.

3.3. Giải pháp đối với khó khăn vướng mắc trong thực thi

3.3.1. Giải pháp đối với khó khăn vướng mắc liên quan đến nợ

a) Nợ thuế (bao gồm nợ tiền phạt thuế), nợ Quỹ hỗ trợ Phát triển HTX: Bộ Tài chính rà soát toàn bộ số tiền nợ thuế, nợ Quỹ hỗ trợ Phát triển HTX, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phương án xử lý phù hợp nhằm tháo gỡ các vướng mắc về nợ thuế.

b) Nợ các tổ chức tín dụng: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng làm rõ các khoản nợ của HTX, nghiên cứu phương án thu hồi nợ, khoan nợ, xử lý nợ.... Trường hợp vượt quá thẩm quyền có thể báo cáo Chính phủ, Quốc hội để xử lý dứt điểm các HTX nợ các tổ chức tín dụng.

c) Nợ các khoản hỗ trợ của Nhà nước phải hoàn trả: Chính quyền địa phương nghiên cứu, xác định nguồn gốc các khoản hỗ trợ của Nhà nước mà HTX phải hoàn trả, xây dựng phương án xử lý phù hợp.

d) Nợ khác (nợ giữa HTX với thành viên và các tổ chức kinh tế khác): Chính quyền địa phương nghiên cứu, xử lý theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quyết định của Tòa án...

3.3.2. Đối với khó khăn vướng mắc liên quan đến đất đai và tài sản gắn liền với đất

a) Không có đủ hồ sơ tài liệu liên quan xác định nguồn gốc để kiểm kê, định giá tài sản, tài sản không chia: Cần giao cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng kiểm kê, định giá tài sản để xử lý dứt điểm; có thể lập biên bản hiện trạng và báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, xử lý phù hợp.

b) Vướng mắc về việc không có cơ quan, đơn vị nhận bàn giao HTX, không bố trí được ngân sách địa phương chi trả cho HTX: thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định 113/2024/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hợp tác xã (giao cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo nguồn hình thành – Hội đồng tiếp nhận bàn giao quỹ chung không chia, tài sản chung không chia).

c) Vướng mắc về tài sản trên đất và quyền sử dụng đất từ nhiều nguồn sở hữu khác nhau gây khó khăn trong bàn giao, thanh lý tài sản: giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Chính phủ hoặc Quốc hội để giải quyết dứt điểm.

d) Khó khăn trong chuyển nhượng, thanh lý tài sản HTX: giao Hội đồng tiếp nhận bàn giao thực hiện việc định giá tài sản của HTX và thu hồi vào ngân sách nhà nước.

3.3.3. Đối với khó khăn liên quan đến quy định pháp luật về HTX và

các nội dung khác

a) *Vướng mắc do không thành lập được hội đồng giải thể do thiếu đại diện HTX*: Luật HTX năm 2023 không quy định về việc thành lập hội đồng giải thể HTX khi giải thể bắt buộc HTX nên đã khắc phục được khó khăn này.

b) *Vướng mắc do mất, thất lạc con dấu, giấy đăng ký mẫu dấu hoặc giấy đăng ký kinh doanh của HTX*: nghiên cứu, đề xuất phương án không quy định về việc phải nộp lại con dấu, giấy đăng ký mẫu dấu hoặc giấy đăng ký kinh doanh trong hồ sơ giải thể của HTX.

c) *Vướng mắc do không đủ kinh phí triển khai thực hiện tổ chức giải thể (tổ chức họp đại hội thành viên, đăng 3 số báo liên tiếp...)*: Kinh phí thực hiện tổ chức giải thể lấy từ các nguồn tài chính còn lại của hợp tác xã. Trường hợp không đủ thì sử dụng nguồn tài chính từ ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký HTX.

d) *Vướng mắc do đang xảy ra tranh chấp khiếu kiện đối với HTX*: Khoản 2 Điều 97 Luật HTX năm 2023 quy định: "*HTX, LHHTX chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài*". Do vậy, phải đợi xử lý xong việc tranh chấp, khiếu kiện mới có thể tiến hành giải thể HTX. Cần đề nghị cơ quan có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp xử lý dứt điểm khiếu kiện để giải quyết vướng mắc này.

đ) *Vướng mắc do chưa đăng ký và tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012; Vướng mắc do không liên lạc được với người đại diện HTX, người đại diện chết, mất quyền công dân; vướng mắc do HTX tạm ngừng hoạt động chưa có kế hoạch giải thể, không hợp tác với chính quyền địa phương thực hiện giải thể; vướng mắc do HTX không đăng ký MST*: kiểm tra HTX thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký HTX theo quy định tại Điều 103 Luật Hợp tác xã năm 2023: "*Sau 12 tháng mà HTX, LHHTX không gửi báo cáo về việc tuân thủ theo quy định của Luật này theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh*" thực hiện thu hồi giấy chứng nhận và để thực hiện giải thể bắt buộc theo quy định.

e) *Vướng mắc do HTX hoạt động không hiệu quả; vướng mắc do HTX*

đang củng cố để hoạt động lại hoặc chuyển đổi sang mô hình khác và các vướng mắc khác: tùy theo tình hình thực tế, cơ quan đăng ký HTX rà soát tình trạng hoạt động của HTX để hướng dẫn, thực hiện việc giải thể tự nguyện hoặc bắt buộc.

3.4. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải thể hợp tác xã

Từ những nghiên cứu nêu trên, bản thân học viên có một số kiến nghị, đề xuất nhằm giải quyết những vấn đề về giải thể hợp tác xã và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã như sau:

3.4.1. Công tác hoàn thiện thể chế, tháo gỡ khó khăn

Thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và pháp luật có liên quan (đất đai, quản lý tài sản công, thuế, tín dụng,...), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tháo gỡ các điểm nghẽn của hợp tác xã tạo điều kiện để hợp tác xã phát triển hiệu quả, bền vững. Có phương án xử lý dứt điểm việc nợ đọng ở các hợp tác xã, tạo điều kiện để giải thể các hợp tác xã kiểu cũ, yếu kém hoặc để chuyển sang hình thức kinh tế khác phù hợp.

3.4.2. Chính sách thúc đẩy phát triển

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc biệt (*có thể là nghị quyết của Quốc hội*) để xử lý vấn đề giải thể hợp tác xã, nhằm sử dụng hiệu quả tài sản (*đặc biệt là bất động sản*) mà các hợp tác xã đang nắm giữ.

- Cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của đất nước. Cần chú trọng nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ hợp tác xã và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã. Có cơ chế để các hợp tác xã đủ năng lực, điều kiện được tham gia thực hiện một số nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình đầu tư công. Cần xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về hợp tác xã trên toàn quốc.

3.4.3. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Có chính sách trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi

số trong quản lý của hợp tác xã. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác xã từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình kinh tế tập thể, hợp tác xã tiên tiến, thành công, hiệu quả.

- Cần ưu tiên và có những chính sách để hợp tác xã được tiếp cận đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị).

3.4.4. Công tác tham mưu, quản lý, đề xuất chính sách đủ mạnh

- Tổng kiểm kê các HTX đang ngừng hoạt động, không giải thể được, thống kê chi tiết tài sản của các HTX đang sử dụng (có nguồn gốc từ nhà nước). Rà soát tất cả các nguyên nhân dẫn đến việc giải thể hợp tác xã, từ đó đề xuất giải pháp để xử lý dứt điểm. Trong đó, có thể trình Quốc hội ban hành nghị quyết để xử lý (vì vướng mắc có thể từ thể chế của nhiều năm trước, pháp luật hiện nay không có quy định).

- Rà soát, sắp xếp lại các HTX hoạt động kém hiệu quả, có giải pháp hỗ trợ (hỗ trợ về kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, tín dụng,...) thúc đẩy phát triển, tránh bị ngừng hoạt động hoặc bị giải thể nhằm góp phần phát triển kinh tế.

- Cần tập chung rà soát toàn bộ các hợp tác xã thuộc diện đang ngừng hoạt động, cần giải thể, phân loại theo nguyên nhân, các vướng mắc để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3.4.5. Công tác tuyên truyền, phổ biến, thanh kiểm tra

- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện xây dựng kế hoạch, triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã tại các bộ, ngành, địa phương để nâng cao hiệu quả công tác quản lý của cơ quan nhà nước và các hợp tác xã phát triển, tránh bị ngừng hoạt động, giải thể.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Nhân dân về bản chất kinh tế tập thể của hợp tác xã. Khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, phải coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng thường xuyên. Đưa nội dung phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vào giảng dạy trong hệ thống các trường chính trị, các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện tổng kết, hoàn thiện hệ thống lý luận về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, HTX; Xây dựng chế tài xử lý vi phạm từ đó tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực HTX để pháp luật đi vào cuộc sống.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, tác giả đã đưa ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải thể. Trên cơ sở đó đã đưa ra một hệ thống các kiến nghị khoa học pháp lý hoàn thiện pháp luật về giải thể hợp tác xã; đưa ra những chính sách, biện pháp nhằm xử lý vấn đề về giải thể hợp tác xã và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp tác xã nhằm giảm tình trạng giải thể hợp tác xã.

Những kiến nghị tác giả đưa ra có tính khả thi, phù hợp với tình hình, xu hướng phát triển chung của nền kinh tế cũng như chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc hoàn thiện các quy định pháp luật, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm các thủ tục, điều kiện; tăng cường phát huy vai trò của kinh tế tập thể. Qua đó, đã thấy được việc hoàn thiện các quy định về hợp tác xã nhằm đảm bảo phát triển bền vững và thực sự hiệu quả, góp phần vào phát triển chung của nền kinh tế, đồng thời tránh lãng phí nguồn lực của xã hội là điều rất cần thiết.

KẾT LUẬN

Khu vực kinh tế tập thể - hợp tác xã của nước ta được đánh giá là thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế chung của đất nước ta. Trong thời gian vừa qua kinh tế hợp tác xã đã có sự thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là tăng về quy mô rất lớn so với trước đây, hệ thống pháp luật được ban hành theo xu hướng chung của xã hội. Kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được Đảng và Nhà nước rất quan tâm, tiếp tục xác định, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là tất yếu khách quan, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài. Đây cũng là nhu cầu, cơ hội và cũng là thách thức trên con đường phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã tại Việt Nam.

Nghị quyết số 20-NQ/TW tiếp tục khẳng định quan điểm của Đảng về KTTT: *“Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”*. Nghị quyết số 20-NQ/TW xác định mục tiêu cụ thể phát triển KTTT cho giai đoạn tới là: *“Đến năm 2030, cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên. Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị... Đến năm 2045,... bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết”*.

Qua việc thực hiện Đề án *“Pháp luật về giải thể hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay”*, tác giả đã cho thấy vai trò quan trọng của HTX trong phát triển kinh tế. Bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu đã đạt được, vấn đề về giải thể hợp tác xã cũng đòi hỏi sự quan tâm của các cấp, các ngành; khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn nhiều hạn chế như (i) *Phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, không gian, dư địa và mục tiêu, yêu cầu; (ii) Năng lực sản xuất, kinh doanh của HTX còn yếu, manh mún, chưa có nhiều HTX thật sự hiệu quả, có khả năng lan tỏa; (iii) Có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhưng còn dàn trải, phân tán, chủ yếu là lồng ghép, thiếu tập trung; việc tổ chức triển khai thực hiện còn chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực bảo đảm*

thực hiện; (iv) Có nhiều hợp tác xã ngừng hoạt động và rất khó khăn giải thể đã dẫn đến một lượng lớn tài sản không đưa vào sản xuất kinh doanh, gây lãng phí rất lớn nguồn lực của xã hội và nhiều vấn đề phát sinh xảy ra khi mà các hợp tác xã này không thể giải thể. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất, kiến nghị các giải pháp để các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu thấu đáo, báo cáo cấp có thẩm quyền sớm giải quyết dứt điểm vấn đề giải thể hợp tác xã nhằm giải phóng nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng và là tiền đề nâng tầm khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã như Nghị quyết của Trung ương đã nêu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Quốc hội, Luật Hợp tác xã 1996 (*Luật số 47-L/CTN*).
2. Quốc hội, Luật Hợp tác xã 2003 (*Luật số 18/2003/QH11*).
3. Quốc hội, Luật Hợp tác xã 2012 (*Luật số 23/2012/QH13*).
4. Quốc hội, Luật Hợp tác xã năm 2023 (*Luật số 17/2023/QH15*).
5. Chính phủ, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật HTX;
6. Chính phủ, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về đăng ký tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX;
7. Chính phủ, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 về Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX.
8. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về HTX.
9. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 71/2024/TT-BTC ngày 07/10/2024 về hướng dẫn chế độ kế toán HTX, liên hiệp HTX.
10. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Các loại văn bản khác

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.
2. Bộ Chính trị, Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

3. Chính phủ, Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

4. Chính phủ, Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

5. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 và Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021.

6. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

7. Chính phủ, Tờ trình số 306/TTr-CP ngày 07/9/2022 về dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

8. Chính trị quốc gia Sự thật (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Hà Nội, t. II, tr. 306 - 307.

9. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 129-130.

III. Tài liệu khác

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Báo cáo tình hình HTX không hoạt động, khó khăn trong giải thể, chưa đăng ký và tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã 2012, Hà Nội.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2021, Hà Nội.

3. Ban chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (2021), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2021 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2022, Hà Nội.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 (giai đoạn 2013-2021), Hà Nội.

5. Ban chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (2023), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2022 và kế

hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2023, Hà Nội.

6. Ban chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (2024), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024, Hà Nội.

7. TS Nguyễn Văn Giàu (2012), Sự phát triển của Hợp tác xã và vai trò của Hợp tác xã đối với an sinh xã hội, Nxb Tri Thức.

8. TS. Nguyễn Minh Sơn (2011), Hoàn thiện Luật Hợp tác xã - Thực trạng và giải pháp.

9. Phùng Quốc Chí (2010), Phát triển HTX trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam.

10. Cổng thông tin điện tử Tạp chí Cộng sản: <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

11. Corcoran, H., & Wilson, D. (2010). *The worker co-operative movements in Italy, Mondragon, and France: Context, success factors and lessons*. Retrieved from Canadian Worker Coop Federation website: <http://canadianworker.coop/the-worker-co-operative-movements-in-italy-mondragon-and-france-context-success-factors-and-lessons/>

PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NĂM 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
I	Hợp tác xã (HTX)				
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%			
2	Tổng số HTX	HTX	24.693	26.112	27.855
	<i>Trong đó:</i>				
	Số HTX đang hoạt động	HTX	19.353	20.384	
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	2.401	2.385	
	Số HTX thành lập mới	HTX	2.360	2.175	2.200
	Số HTX giải thể	HTX	674	756	457
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	9.994	11.093	16.713
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	5.941.486	6.160.459	6.360.000
	<i>Trong đó:</i>				
	Số thành viên mới	Thành viên	94.680	90.079	220.000
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	1.909.301	1.684.483	1.536.191
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	1.429.748	1.763.724	1.448.423
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	2.204	2.649	3.053
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.133.284	1.133.814	1.238.267
	<i>Trong đó:</i>				
	Số lao động thường xuyên mới	Người	85.752	84.290	100.019
	Số lao động là thành viên HTX	Người	478.509	449.507	708.510
5	Doanh thu bình quân một HTX	Trđ/ năm	4.210,93	4.387,16	4.995
	<i>Trong đó:</i>				
	Doanh thu của HTX với thành viên	Trđ/ năm	2.420,43	2.608,34	3.479
6	Lãi bình quân một HTX	Trđ/ năm	295,56	314,30	366
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Trđ/ năm	48,35	51,31	52
8	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	102.158	107.506	111.097
	<i>Trong đó:</i>				
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	48.054	50.056	52.541
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	21.054	23.577	24.998

Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NĂM 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022
				Kế hoạch	Ước cả năm	
I	Hợp tác xã					
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	26.112	27.855	27.342	29.166
	<i>Trong đó:</i>					
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	19.353	20.384	19.973	21.433
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2.499	2.200	2.476	2.200
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	756	457	1.246	376
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	6.160.459	6.360.000	5.692.000	6.560.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới	Thành viên	90.079	220.000	68.170	220.000
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên	11.469	10.064	11.890	14.290
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.133.814	1.238.267	1.078.000	1.275.437
	<i>Trong đó:</i>					
	Số lao động thường xuyên mới	Người	84.290	100.019	68.917	102.395
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	449.509	708.510	603.248	737.318
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	107.506	111.097	109.307	115.554
	<i>Trong đó:</i>					
	Số đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	50.056	52.541	53.237	54.437
	Số đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	23.577	24.998	24.887	26.460
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	4.387	4.995	2.657	5.390
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm	2.683	3.479	1.765	3.717
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	314	366	214	433
7	Thu nhập BQ của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	51,3	52	51,7	55

Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	
I	Hợp tác xã					
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	27.342	29.166	29.378	31.500
	<i>Trong đó:</i>					
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	19.973	21.433	22.805	24.500
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2.476	2.200	2.600	2.600
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	1.246	376	564	478
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	5.692.000	6.560.000	5.935.000	6.760.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới	Thành viên	68.170	220.000	70.350	220.000
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.078.000	1.275.437	976.300	1.300.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số lao động thường xuyên mới	Người	68.917	102.395	92.732	350.000
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	603.248	737.318	632.200	680.300
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	109.307	115.554	139.920	143.500
	<i>Trong đó:</i>					
	Số đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	53.237	54.437	53.080	56.300
	Số đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	24.887	26.460	28.283	30.000
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng /năm	2.657	5.390	3.592	5.650
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng /năm	1.765	3.717	1.358	3.900
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng /năm	214	433	366	453
7	Thu nhập BQ của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng /năm	51,7	55	56,0	60
II	Liên hiệp hợp tác xã					
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	107	138	125	158

	<i>Trong đó:</i>					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	14	35	24	33
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	668	748	851	870
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	17.928	24.513	22.824	25.300
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng /năm	1.507	21.729	9.284	17.000
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng /năm	128	713	475	530
III	Tổ hợp tác					
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	73.000	131.000	70.856	73.000
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	1.097.700	1.703.000	1.044.293	1.076.000
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng /năm	295	1.308	501	550
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng /năm	49	242	81	90

Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	6 tháng	Ước cả năm	
I	Hợp tác xã						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	29.437	31.500	29.910	30.698	33.000
	<i>Trong đó:</i>						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	24.295	24.500	23.840	26.141	27.471
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2.695	2.600	1.270	2.986	3.000
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	946	478	577	1.725	698
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	5.901.116	6.760.000	5.273.461	5.813.612	6.000.000
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới	Thành viên	55.321	220.000	29.285	46.437	40.642
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.003.793	1.300.000	794.010	860.991	876.844
	<i>Trong đó:</i>						
	Số lao động thường xuyên mới	Người	90.873	350.000	82.706	96.164	99.067
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	265.478	680.300	252.579	275.731	269.404
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	116.998	143.500	117.561	125.988	129.811
	<i>Trong đó:</i>						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	47.790	56.300	40.077	45.249	47.950
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	27.660	30.000	24.922	29.001	29.671
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng /năm	3.750	5.650	2.844	3.536	3.896
	<i>Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên</i>	Tr đồng /năm	1.223	3.900	1.002	1.317	1.442

6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng /năm	311	453	264	324	343
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng /năm	55	60	51	59	62

Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

V. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024		Kế hoạch năm 2025
				Kế hoạch	Ước cả năm	
I	Hợp tác xã					
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	31.825	33.000	33.335	35.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	26.141	27.471	27.952	28.695
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2.986	3.000	3.000	3.000
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	1.725	698	984	892
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	5.853.458	6.000.000	5.831.361	7.100.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới	Thành viên	46.437	40.642	50.262	1.245.000
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	860.991	876.844	897.109	915.480
	<i>Trong đó:</i>					
	Số lao động thường xuyên mới	Người	96.164	99.067	76.800	73.320
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	275.731	269.404	302.647	310.500
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	125.988	129.811	127.400	129.000
	<i>Trong đó:</i>					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	45.249	47.950	59.440	59.820
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	29.001	29.671	33.000	31.840
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	3.536	3.896	3.551	4.100
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm	1.317	1.442	1.274	1.727
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	324	343	352	372
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	59	62	59	61

Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.